

**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ**  
**TÒA THÁNH TÂY NINH**

---



*Thương Nhớ*  
**Thất Nương**  
*Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc*

**TÀI LIỆU SƯ TÂM 2016**  
hai • không • một • sáu

---

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAL.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ TỪNG THIÊN TỬ BẠCH HẠC, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 12/05/2016

Tâm Nguyên

---

*Thương Nhớ*

THẬT NƯƠNG

*∞ Kính Dâng Thật Nương ∞*  
*Tùng Thiên-Từ Bạch Lạc*





---

## MỤC LỤC

<b>TIẾT 1. CÔ VƯƠNG THỊ LỄ VÀ GIA ĐÌNH .....</b>	<b>9</b>
▪ I. Kiếp Sinh Ở Trung Hoa. ....	10
▪ II. Kiếp Sinh Ở Việt Nam. ....	11
▫ A. Đầu Thai Vào Gia Đình Họ Vương. ....	11
▫ B. Mộ Phần & Tro Cốt .....	11
<b>TIẾT 2. CÔNG NGHIỆP TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. ....</b>	<b>15</b>
▪ I. Vai Trò Của Thất Nươngdiêu-Trì-Cung. ....	15
▫ A- Vị Đầu Tiên Dùng Thi Văn Để Dẫn Dắt Các Thiên Sứ Vào Cửa Đạo. ....	16
▫ B. Tiếp Dẫn Chơn Hồn Lên Tầng Trời Hạo Nhiên Thiên. ....	19
▫ C. Dạy Đồ Chơn Hồn Nơi Âm Quang .....	22
▪ II. Chử Tinh & Chử Hiếu. ....	28
<b>TIẾT 3. THƠ VĂN, THÁNH GIÁO CỦA THẤT NƯƠNG .....</b>	<b>33</b>
▪ 1. Mừng Thay!.....	33
▪ 2. Thơ Tặng. ....	33
▪ 3. Tặng Thanh Sơn.....	34
▪ 4. Viếng Cổ Nhân.....	34
▪ 5. Dạy Đạo.....	35
▪ 6. Tình Ái.....	35
▪ 7. Âm Quang Là Gì?.....	38
▪ 8. Thử Thách Trên Đường Tu.....	39
▪ 9. Thánh-Giáo Của Thất Nương, 3-4-Canh Dẫn .....	41

---

▪ 10. Thánh-Giáo Của Thất Nương, 4-8-Ất Hợi.....	42
<b>TIẾT 4. CAO ĐÀI LÀ MỘT NỀN VƯƠNG ĐẠO .....</b>	<b>45</b>
▪ I. Mở Thế Pháp Hay Bí Pháp Trước?.....	45
▪ II. Tiên Hay Phật?.....	48
<b>PHỤ LỤC: HỌ VƯƠNG &amp; HỌ ĐỖ HỮU .....</b>	<b>51</b>
▪ I. Họ Vương & Vương Quan Kỳ.....	51
▫ Họ Vương.....	51
▫ Vương Quan Kỳ (1880-1939).....	52
▪ II. Họ Đỗ Hữu.....	63



**TÒA-THÁNH TÂY-NINH**

## TIẾT 1. CÔ VƯƠNG THỊ LỄ VÀ GIA ĐÌNH

---



---

## TIẾT 1. CÔ VƯƠNG THỊ LỄ VÀ GIA ĐÌNH



**C**Ô VƯƠNG THỊ LỄ SANH NGÀY 8-1-CANH TÝ (1900) tại Chợ Lớn; mất ngày 25-10-Mậu Ngọ (28-11-1918).

CHA: Đốc phủ VƯƠNG QUAN TRÂN (là anh ruột của ông Vương Quang Kỳ, đặc phong Giáo Sư Thượng Kỳ Thanh ở Thánh Thất Cầu Kho).

Hai Ông Trân và Kỳ là con của Ông Vương Quan Để và Bà Huỳnh thị Bảy. Ông Vương Quan Để là con của Thống chế Vương Quan Hạc. Bà Huỳnh thị Bảy là con gái của Ông Huỳnh Mẫn Đạt. một nhà nho yêu nước thời Pháp thuộc.

ME: bà ĐỖ THỊ SANG. Bà Sang là con của Tổng đốc Đỗ Hữu Phương.

Theo lời của Đức Hộ Pháp thuật lại thì Thất Nương có nhiều kiếp giáng trần, nhưng hiện nay chỉ biết được hai kiếp: một kiếp ở Trung Hoa và một kiếp ở Việt Nam.

### I. KIẾP SANH Ở TRUNG HOA.

Thất Nương đầu kiếp trong một gia đình quan Đại Thần đương triều. Cô lớn lên trong sự giàu sang quyền quý, nhưng không giống như các tiểu thư đài các khác, Cô rất hiền hòa độ lượng. Tiếng tốt đồn vang, khiến cho một chàng thư sinh đem lòng ngưỡng mộ thầm yêu.

Cô chẳng hề hay biết. Chẳng may Cô vẫn số, mới vừa ở tuổi cập kê là bị bạo bệnh qua đời, dẫu gia đình có rước lương y đến nhưng cứu Cô không kịp. Chàng thư sinh hay tin, ôm chặt mối tình tuyệt vọng, dần dần bệnh và cũng qua đời. Hồn chàng thư sinh phưởng phất bay về cõi thiêng liêng. Theo luật Thiên điều, dù vô tình hay cố

ý, Cô cũng có quan hệ với oan hồn của thư sinh này, nên Cô phải tái kiếp một lần nữa để trả mỗi oan tình.

### II. KIẾP SANH Ở VIỆT NAM

#### A. ĐẦU THAI VÀO GIA ĐÌNH HỌ VƯƠNG

**Đốc phủ** là chức quan lại cao cấp thời Pháp thuộc, trên phủ và huyện, có thể làm quận trưởng hay phó tỉnh trưởng, hoặc đầu phòng ở Soái phủ. Cha Cô là một vị Đốc phủ nên Cô sống trong một gia đình giàu có. Cô theo học trường Sainte Enfance đến trình độ Brevet Elémentaire (Trung học Pháp). Có nhiều danh gia vọng tộc đi hỏi cưới mà cô không chịu. Bỗng nhiên, Cô mắc phải bệnh ngặt nghèo, chạy đủ thầy mà không hết. Thân mẫu cô mới truyền rao ai cứu được cô thì gả cho người ấy. Lúc đó có một ông thầy thuốc tây, học ở Hà Nội (Médecin Indochinois) mới được bổ nhiệm về Saigon. Gia đình có rước đến chữa bệnh cho cô. Cô biết vị lương y này là ông quan trẻ thẩm yêu cô trước kia vì «*nợ ba sinh*» mà hai người cùng đầu kiếp để nên nghĩa vợ chồng. Song, hai bên vừa gặp mặt thì cô trở bệnh rồi mất. Mỗi oan tình giờ đây đã giải xong, chỉ một lời nói thôi cũng đủ.

Ngày Cô mất là ngày 25-10-Mậu Ngọ (28-11-1918) hưởng dương được 19 tuổi.

#### B. MỘ PHẤN & TRO CỐT

Mộ của Cô Vương thị Lễ ở trong khuôn viên đất của gia đình Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương, thường gọi là Vườn Bà Lớn, ở gần Ngã Bảy Sài gòn. Đất ấy được trưng dụng để xây cất Chung cư Nguyễn Thiện Thuật ở Quận 3, Sài Gòn. **ĐỒ HỮU TỬ ĐƯỜNG** nằm trong hẻm 611, đường Điện Biên Phủ Q3.

Mộ của Cô Vương Thị Lễ đã được lấy cốt và thiêu năm Mậu Thân 1968, tro của Bà được gia đình bên ngoại đem thờ ở Chùa Huệ Nghiêm. Ngôi chùa này, nằm trên đường Đỗ Năng Tế, đối diện Bến Xe Miền Tây, thuộc Quận Bình Chánh Sài Gòn. Tất cả tro cốt được thờ ở trong cái tháp bên hông Chánh Điện. Hủ tro cốt của Cô Vương Thị Lễ được để trong một cái hộp kiếng chung với một số hủ tro cốt trong thân tộc bên ngoại. Bên trong hộp kiếng này, có một bản xanh nhỏ để tên các hủ tro cốt trong hộp. Hàng tên phía bên trái có ghi tên: Ông Đỗ Hữu Phương, Bà Đỗ Hữu Phương, tức Ông Bà Ngoại; còn tên kể phía dưới là Đỗ Thị Sang, tức là thân mẫu của Bà Vương thị Lễ. Hàng tên gần chính giữa có để Vương Thị Lễ. Còn các tên khác, chúng tôi không rõ. Phía bên phải, có tấm hình Bà Vương Thị Lễ để dựa vào hủ tro cốt của Bà, phía dưới tấm hình có hàng chữ: “*Thất Nương Diệu Trì Cung, Vương Thị Lễ*”.

Chùa đang xây sửa lại nên ngày 16-3-2016, ông Nguyễn Hoàng Hồng thay mặt gia tộc đã làm đơn xin dời linh cốt khỏi tháp phố Đông, chùa Huệ Nghiêm để chuyển về BẢO ÂN ĐƯỜNG, TRÍ HUỆ CUNG. Biên bản bàn giao có chữ ký của vị Thích Minh Như và ông Nguyễn Hoàng Hồng. Trong số 13 hủ cốt có:

- hài cốt tên tiếng Pháp
- hài cốt tên ĐỖ HỮU PHƯƠNG.
- hài cốt tên ĐỖ THỊ SANG
- hài cốt tên VƯƠNG THỊ LỄ
- hài cốt tên ĐỖ HỮU VỊ, ĐỖ HỮU TÀI, ĐỖ HỮU SỬU, ĐỖ THỊ NGỌ, ĐỖ THỊ DIỆU, ĐỖ THỊ MỆO



Hình Thất Nương và các hộp tro cốt



Hình cháu của Bà cùng chư tín đồ để tang

## TIẾT 2. CÔNG NGHIỆP TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

---

## TIẾT 2. CÔNG NGHIỆP TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.



DIÊU TRÌ CUNG, TỪNG TRỜI TẠO HÓA THIÊN, dưới quyền của Đức Phật Mẫu có chín vị Nữ Phật trông nom về Cơ giáo hóa cho Vạn linh. Ngoài ra, có hằng hà sa số Phật trông nom về Cơ phổ độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng đứng đầu. Chín vị Nữ Phật nơi Diêu Trì Cung đã lập được nhiều công quả trong thời khai Đạo, dẫn dắt các nguyên căn đi vào con đường đạo đức và làm môn đệ cho Đức Chí Tôn. Các nguyên căn này trở thành các Chức sắc Đại Thiên Phong, tướng soái cho Đức Chí Tôn để lập nên nền tôn giáo Cao Đài.

### I. VAI TRÒ CỦA THẤT NƯƠNGDIÊU-TRÌ-CUNG

- **THẾ DANH:** Vương-Thị-Lễ
- **BỮU PHÁP:** Hoa Sen
- **NƠI NGỰ:** Cõi HẠO-NHIÊN-THIÊN
- **NHIỆM VỤ:** Độ hồn nơi cõi Âm-Quang, tiếp dẫn Chơn Hồn lên từng Trời HẠO NHIÊN THIÊN

Bài thài hiến lễ Thất Nương trong Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung có chữ khởi đầu là “LỄ”:

*LỄ bái thường hành tâm đạo khởi,*

*Nhân từ tái thế tử vô ưu.*

*Ngày xuân gọi thế hảo cừ,*

*Trăm duyên phước tục, khó bù buồn Tiên.*

Ý NGHĨA BÀI THƠ



*Cúng lạy thường ngày thì đạo trong tâm khởi hiện.*

*Người hiền đủ tài đức ở đời thì khi chết không biết lo âu.*

*Ngày còn thuở con gái (thanh xuân) gọi như thế là một oán hờn tốt.*

*Dù duyên nợ được trăm phúc ở cõi tục cũng không bằng cái buồn ở cõi Tiên.*

*Nghĩa là cái trăm vui ở cõi trần gian không sánh nổi cái buồn ở cõi trên.*

### **A- VỊ ĐẤU TIÊN DÙNG THI VĂN ĐỂ DẪN DẮT CÁC THIÊN SỬ VÀO CỬA ĐẠO.**

Thời kỳ mới khởi sự Xây Bàn để thông công với cõi vô hình, bốn Ngài: Cao Quỳnh Cư, Cao Quỳnh Diêu, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang, xây bàn đêm mừng 10-6-Ất Sửu (30-7-1925) tại nhà Ngài Cao Hoài Sang gần Chợ Thái Bình Sài Gòn. Khi Cô Vương thị Lễ giáng cơ, cô lấy tên Đoàn Ngọc Quế. Tên Đoàn Ngọc Quế chỉ là mượn tên của một người bạn thân với ông Cao Quỳnh Diêu, mục đích tạo hiệu kỳ cho các ông ham tìm hiểu để dẫn dắt vào đường Đạo. Cô cho bài thi gửi tâm sự khi còn ở dương trần như sau:

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?*

*Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.*

*Những ngõ trao duyên vào ngọc các,*

*Nào dè phải nợ xuống tuyến đài.*

*Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,*

*Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.*

*Đồn dập tương tư oằn một gánh,*

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?*

Ba Ngài đều có hoạ bài thi trên.

Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi:

– *Hỏi còn tại thế, xứ ở đâu?*

Cô đáp:

– *Ở Chợ Lớn.*

Ngài Phạm Công Tắc hỏi:

– *Cô học ở đâu?*

Cô đáp:

– *Học ở trường đằm.*

Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi:

– *Cô bịnh gì mà chết,*

Cô đáp bằng hai bài thi sau:

*Trời già dành đoạn nợ ba sinh,  
Bèo nước xẻ hai một gánh tình  
Mấy bữa nhẩn mày lâm chúc qui,  
Khiếm ôm mối thảm tại Diêm đình.*

\*\*\*

*Người thi ngọc mã với kim đàn,  
Quên kẻ dạ đài mối thảm mang  
Mình dặn lấy mình, mình lại biết,  
Mặc ai chung hưởng phận cao sang*

Một tối thứ bảy, (8-1925) trong lúc các Ngài Cư, Tắc, Sang xây bàn, cô nhập bàn. Các Ngài xin kết nghĩa làm anh em. Cô bằng lòng và gọi: – Ông Cư là Trưởng ca, – Ông Tắc là Nhị ca, – Ông Sang là Tam ca, còn cô là Tứ muội (em gái thứ tư). Nhờ kết nghĩa anh em, các ông bên

gạn hỏi tên thật. Cô mới gỏ bàn viết ba chữ «VTL». Cô còn chỉ rõ ngôi mộ của cô hiện ở khu Bà Lớn (gần Ngã bảy Sài Gòn). Sáng chúa nhật, các ông rủ nhau đi tìm, tìm thấy mộ Cô xây gạch rất đẹp, nơi nhà bia có khắc hình Cô, dưới đề tên Vương Thị Lễ. Các ông mới khẩn vái mời Cô về nhà nhập bàn hỏi chuyện. Khi các ông đem bàn ra cầu, Cô xác nhận các ông đã tìm đúng mộ của Cô.

Đến 18-8-1925, Cô Lễ giảng bàn, các Ngài hỏi rằng:

*– Em còn chị em nào nữa biết làm thi, xin cầu khẩn đến dạy ba anh em qua làm thi.*

Cô Lễ trả lời:

*– Có chị Hôn Liên Bạch, Lục Nương, Nhứt Nương làm thi hay lắm. Ba anh muốn cầu thi ba anh phải ăn chay mới cầu được.*

Đến ngày 25-8-1925 (8-8-Ất Sửu), Đấng A Ồ A dạy ba Ngài vào rằm tháng 8 thiết tiệc chay thỉnh Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương đến dự tiệc. Đó là lễ Hội Yến Diêu Trì đầu tiên. Về sau, Toà Thánh Tây Ninh noi theo đó mà tổ chức hằng năm. Sau đó, các Ngài xây bàn, Đấng A Ồ A giảng cho thi, rồi đến Đức Phật Mẫu, Cửu Vị Tiên Nương, mỗi vị đều giảng cho một bài mà ngày nay hằng năm thài để hiến lễ vào dịp Hội Yến. Riêng **Lục Nương cho biết Cô Vương Thị Lễ là Thất Nương Diêu Trì Cung**. Trong giai đoạn này, nhờ say mê văn chương của các Chơn-Linh và xướng họa, nên đa số thi nhân Phạm-Công-Tắc, Cao-Hoài-Sang, Cao-Quỳnh-Cử, Lê-Văn-Trung đêm nào cũng hội lại nhà nhau chờ đợi các Đấng về cơ xướng họa cho thỏa lòng thỏa chí. Dần dà các Đấng bề trên nhân đó dạy cách tu hành luyện Đạo và bí

pháp tu của Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ Độ. Có bậc Chơn-Linh còn vạch rõ huyền vi cơ tạo cho nhơn loại rõ là ta có ba xác thân: Thể xác hữu hình do Cha Mẹ tạo ra, Chơn- Thần đo PHẬT MẪU cho (trí não) và Chơn-Linh là do khối Đại Linh Quang của Thượng Đế chiết ra tượng bằng Tiên Thiên khí và là nhứt điểm Linh quang linh diệu vô cùng. Thế gian là nơi để Chơn Linh mượn xác thân xuống học hỏi, trả nghiệp và lập công. Nếu biết tu, Chơn Linh này sẽ phản bổn hườn nguyên, đăc Đạo về lại cõi Thiêng liêng với phẩm vị được Đức Chí Tôn ban cho.

Tóm lại, chính cô Vương Thị Lễ, lúc đầu dùng văn chương thi phú để dẫn dắt ba vị Thiên sứ theo Đạo, sau nghiêm khắc buộc các Ngài ăn chay cầu Đạo, rồi giới thiệu với Đấng A Ẵ Ẵ (tức Đấng Chí Tôn), Đức Phật Mẫu và các Vị Tiên Nương còn lại. Ta phải nói công đầu khai mở Đạo Cao Đài là công của Thất Nương. Cô còn phổ độ hầu hết chúng sanh vùng Sài gòn, Chợ Lớn, Gia Định theo Đạo. Trong Kinh Tán-Tụng Công Đức Diêu Trì Kim-Mẫu có câu:

*Thất-Nương kêu đước Đạo đầu.  
Nhờ Người gởi ánh nhiệm-mẫu huyền vi.*

### B. TIẾP DẪN CHƠN HỒN LÊN TỪNG TRỜI HẠO NHIÊN THIÊN

Nơi cõi hư linh, Bà Thất Nương mặc áo vàng, tay cầm Bửu Pháp là Bông Sen. Bà có nhiệm vụ tiếp dẫn Chơn Hồn lên từng Trời HẠO NHIÊN THIÊN tức từng Trời thứ 7. Có phải vì vậy mà Bà được xếp thứ bảy trong chín vị Nữ Phật?

Theo bài Kinh Thất Cửu, Chơn Hồn sẽ vào Cung Chưởng Pháp là Cung Chưởng Quản Pháp Luật của Càn

Khôn Vũ Trụ để nghe Đức CHUẨN ĐỀ BỔ TÁT giảng giải luật pháp của Trời. Kế đến được Phật Đà Lam dẫn nẻo, cho Chơn Hồn kỹ Tòa Sen qua Động Phổ Hiền. Ở đây, Đức PHỔ HIỀN BỔ TÁT cùng các Thần Tiên tiếp đưa Chơn hồn và có trống Lôî Âm trỗi lên giục thúc Chơn hồn tiếp đi lên từng Trời Phi Tướng Thiên, từng trời thứ 8 mà Bà Bát Nương giữ nhiệm vụ điều dẫn.

### ***KINH ĐỆ THẤT CỬU***

*Nhẹ phơi phơi dôi dào không khí,  
Hạo Nhiên Thiên đã chỉ môn quan.  
Đẹp xinh cảnh vật đời ngàn,  
Hào quang chiếu diệu khai đàng thẳng Thiên.  
Cung Chưởng Pháp xây quyền Tạo hóa.  
Kiến Chuẩn Đề thạch xá giải thi.  
Đà Lam dẫn nẻo Tây qui,  
Kim chung mở lối kịp kỳ kỳ sen  
Động Phổ Hiền Thần Tiên hội hiệp.  
Dở Kim Cô đưa tiếp linh quang.  
Im lìm kìa cõi Niết Bàn,  
Lôi Âm trống thúc lên đàng Thượng Tiêu.*

#### **■ THẤT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG.**

Bài Kinh này do THẤT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG ban cho chúng sanh trong Tam kỳ Phổ độ.

Chữ không khí trong bài Kinh trên không phải là khí thường mà là HẠO NHIÊN CHI KHÍ, HỒN NGƯỜN KHÍ, KHÍ SANH QUANG. Tầng trời HẠO NHIÊN do Đức Chuẩn Đề Bồ tát và Phổ Hiền Bồ tát chưởng quản. Nơi này có cung Chưởng Pháp nắm về pháp luật.

Vì thế, trong DILẠC CHƠN KINH gọi tầng trời này là HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN. Các Đấng thiêng liêng ở tầng này có nhiệm vụ đào độn sanh khí, bảo trọng vạn linh. Vong hồn được bái kiến Đức CHUẨN ĐỀ. Còn DÀ LAM để chỉ một vị Phật có nhiệm vụ dìu dắt các Chơn linh đến cõi CỰC LẠC THẾ GIỚI để qui nguyên “*Tiên phong, Phật cốt*”...

Động Phổ Hiền là nơi ngự của PHỔ HIỄN BỒ TÁT (Samantabhadra Bodhisattva). Danh hiệu của Ngài có nghĩa là Đức hạnh khắp cả Pháp giới. PHỔ HIỄN BỒ TÁT chủ về Chơn lý, thiên định. Biểu tượng của Ngài tay cầm ngọc Như ý, cỡi trên voi trắng sáu ngà, tượng trưng qua khỏi sự dính mắc của sáu giác quan. Chơn Thần người chết trối buộc bởi lục dục thất tình (vòng Kim Cô) mà gây nên nghiệp quả, luân hồi và khi đến được tầng Trời thứ bảy, các Đấng sẽ cởi bỏ sự trối buộc này để Linh quang nhẹ nhàng thăng tiến.

Tại tầng trời HẠO NHIÊN PHÁP THIÊN có các vị Phật danh hiệu như sau: DIỆT TUỞNG PHẬT, ĐỆ PHÁP PHẬT, DIỆT OAN PHẬT, SÁT QUÁI PHẬT, ĐỊNH QUẢ PHẬT, THÀNH TÂM PHẬT, DIỆT KHỔ PHẬT, KIÊN TRÌ PHẬT, CỨU KHỔ PHẬT, XÁ TỘI PHẬT, GIẢI THỂ PHẬT và hằng hà sa số Phật tòng lệnh của ĐỨC CHUẨN ĐỀ, ĐỨC PHỔ HIỄN thi hành Pháp giới, điều khiển càn khôn, thường du ta bà thế giới năng trừ ma chướng quỷ tai, năng cứu khổ ách nghiệt chướng, năng độ chúng sanh qui ư cực lạc, tất đắc giải thoát.

Cô Vương-Thị-Lễ đạt Phật vị, ngự tại cõi TẠO HÓA HUYỀN THIÊN. Trong Đạo Cao Đài, Cô lãnh nhiệm

vụ độ các Chơn-Linh học Đạo và khi đắc Đạo, Cô đưa về đốicõi Hạo-Nhiên-Pháp-Thiên.

Đức Phạm Hộ Pháp làm thơ vịnh THẤT NƯƠNG như sau:

*Cầm hoa sen Thất Nương nguyện rỗi,  
Cõi Hạo Nhiên mở lối vĩnh tồn.  
Âm quang nhiệm vụ độ hồn,  
Tái sanh Vương đạo Chí Tôn siêu phàm.*

### C. DẠY DỠ CHƠN HỒN NƠI ÂM QUANG





*Đức Địa Tạng Vương trong tôn tượng tay trái cầm Châu Như Ý, tay phải cầm Tích Trượng, ngồi tòa sen trên mình Đế Thích*

**Địa Tạng, Địa Tạng Vương** (skt. क्षितिगिर्भ, **Kṣitigarbha**; tiếng Trung: 地藏).

Địa Tạng Bồ-tát được biết đến bởi **lời nguyện** cứu độ tất cả **chúng sinh** trong **lục đạo luân hồi** vào thời kỳ sau khi **Phật Thích-ca Mâu-ni** nhập **Niết-bàn** cho đến khi Bồ-tát **Di Lạc** hạ sanh, và nguyện không chứng **Phật quả** nếu **địa ngục** chưa trống rỗng. Do đó, Địa Tạng thường được xem như là vị Bồ-tát của chúng sanh dưới địa ngục hay là giáo chủ của cõi U Minh. Địa Tạng Vương Bồ tát là một trong 4 Đại Bồ Tát của **Phật giáo Đại thừa**. Ba vị còn lại là các Bồ tát **Quán Thế Âm, Văn Thù Sư Lợi** và **Phổ Hiền**.

**Hồng danh Địa Tạng có nghĩa như đất đai rộng lớn chứa hết vạn vật.**

Biết được có vô số người sa chân vào chốn lầm than, Ngài đã đến trước Đức Phật nói rằng Ngài nguyện xuống địa ngục, cứu vớt chúng sinh. Bao giờ địa ngục hết chúng sinh lầm than mới xin thành Phật.

*“Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật,  
Chúng sinh độ tận, phương chứng Bồ-đề”.*

Ngày nào Địa Ngục không còn vong linh nữa, khi đó Ngài mới thực sự thành Phật, nhưng biết đến bao giờ Địa Ngục mới hoàn toàn trống không? Chúng sanh cứ mãi trôi lăn trong vòng sanh tử, hết tạo nghiệp này, lại đến tạo nghiệp kia, không ngừng nghỉ. Do đó, vòng sanh tử chỉ có dài thêm chớ không có ngắn bớt! Vì vậy mà lời thệ

nguyện của Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát không biết đến bao giờ mới thành tựu được! Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát phải làm việc không ngừng để giúp cho vong linh cõi U Minh hiểu rõ những lỗi lầm của mình mà chân thành ăn năn, sám hối hầu thoát khỏi cõi u tối đó.

Tay trái của Ngài cầm Tích Trượng. Cây Tích Trượng của Ngài có 6 tầng, tượng trưng cho 6 nẻo luân hồi. Mỗi khi cây Tích Trượng vung lên, trái Châu tung lên, tức khắc bao nhiêu hình ảnh về Nghiệp Chướng của Vong Linh đều hiện ra rõ ràng để cho Ngài Địa Tạng theo đó mà dẫn dắt Vong Linh đi đúng nơi, đúng hướng về chốn thác sanh. Tay phải của Ngài cầm Trái Châu.

Con thú mà Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát cưỡi là một linh vật rất dữ. Sau khi Ngài hàng phục được nó và đã qua thời gian tu tập rồi, con thú trở thành phương tiện di chuyển của Ngài, đến bất cứ nơi nào Ngài muốn. Con thú của Ngài như là một sự phối hợp giữa con Kỳ Lân và con Hổ. Toàn thân của nó phát ra hào quang vàng pha đỏ, phóng sáng như rực lửa. Mình không có vẩy, đầu có một sừng và luôn rực ánh hào quang. Đuôi cũng luôn bao phủ bởi hào quang rực sáng, trông rất là uy nghi có tên là THIÊN THÍNH, hay ĐẾ THÍNH. Cổ con thú đeo Lục Lạc. Mỗi lần Lục Lạc rung lên, báo cho Ngài Địa Tạng biết có người cần đến sự giúp đỡ của Ngài. Con thú chuẩn bị để đưa Ngài đi đến tận nơi. Lục Lạc vang lên cũng là một sự báo hiệu cho Ngài Địa Tạng biết có một vong linh vừa mới hiện diện ở cõi Âm. Con thú tức tốc đưa Ngài đến ngay để xem coi vong linh đó như thế nào? Bốn chân của con thú đều có móng, bầu lên 4 đóa sen, nhờ đó mà con thú có thể bay bổng dễ dàng. Đức Địa

Tạng Vương Bồ Tát giữ thế ngồi một bên lưng của con thú, 2 chân đạp lên Hoa Sen, tay mặt cầm trái Châu, tay trái cầm Tích Trượng.

Đức Địa Tạng là một vị đã chứng bực Đẳng Giác trải đến vô lượng kiếp rồi. Ngài có lời đại nguyện rằng: **Nếu Ngài chưa độ hết chúng sanh, thì Ngài không chúng quả Bồ Đề, và nếu sự thọ khổ trong địa ngục hãy còn, thì Ngài sẽ không chịu thành Phật.** Do cái bốn nguyện ấy, nên Ngài phân thân nhiều phen, đứng độ thoát hằng hà sa số chúng sanh đương tội khổ, trải đã không biết bao nhiêu kiếp rồi, mà Ngài cũng còn làm một vị Bồ Tát như vậy.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa và độ rồi các đẳng linh hồn tội lỗi nơi cõi U Minh Giới.

Trong Kinh Cầu Siêu có câu:

***Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát  
Bố tử bi tế bạt vong hồn.***

Hoặc trong Kinh Đưa Linh Cửu có câu:

***Nam Mô Địa Tạng thi ân,  
Đưa đường Thiên-cảnh, lánh gần Phong Đô.***

THẤT NƯƠNG lãnh nhiệm vụ độ các Chơn-Linh học Đạo và khi đắc Đạo, Cô đưa về đến cõi Hạo-Nhiên-Pháp-Thiên. Biết nhiệm vụ của Địa Tạng vương nặng nề, nên Thất Nương Diêu Trì Cung tình nguyện phụ với Ngài, đảm trách nhiệm vụ cứu rỗi Nữ hồn nơi cõi U Minh.

Theo giáo lý của ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, kể từ ngày Đức Chí Tôn khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì có sự thay đổi như sau: **đóng cửa Địa ngục, ân xá cho**

**các tội hồn khởi bị hành hình và đưa họ đến cõi Âm Quang học Đạo.**

### **Cõi Âm Quang Là Gì?**

Cõi Âm Quang là nơi không có ánh Dương Quang chiếu tới. Xưa gọi nơi ấy là Âm cảnh, Âm phủ, U Minh, Phong Đô... Nơi ấy là những chốn phạt tù những hồn vô căn vô kiếp, như quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế, nên gọi là Âm quang, đặng sửa chữ Phong Đô Địa phủ của mê tín gieo truyền, chớ kỳ thật là nơi để cho các Chơn hồn “*Giải thân định trí*”. Cõi này còn có tên là cõi TRUNG GIỚI.

Ấy là một cái quan ải, các Chơn hồn khi qui Thiên, phải đi ngang qua đó. Sự khó khăn bước khởi qua đó là đệ nhất sợ của các Chơn hồn. Nhưng tâm tu còn lại chút nào nơi xác thịt con người, cũng nhờ cái sợ ấy mà lo tu niệm. Có nhiều hồn chưa qua khỏi đặng, phải chịu ít nữa đôi trăm năm, tùy Chơn thần thanh trước. Chí Tôn buộc trường trai cũng vì cái quan ải ấy.

Nếu để cho Chơn thần ô trước thì khó mong trở lại cõi thiêng liêng và về cùng với Đức Chí Tôn. Nhiều hồn còn ở lại nơi ấy trót ngàn năm chưa thoát qua cho đặng.

Thất Nương Điều Trì Cung cho đó là nơi xét mình:

*“Âm quang là nơi Thân Linh Học gọi là nơi Trường đình của chư hồn giải thể hay nhập thể. Đại Từ Phụ đã định nơi ấy cho Phật gọi là «Tịnh Tâm xá» nghĩa là nơi của chư hồn đến đó đặng tịnh tâm, xét mình coi trong kiếp sanh bao nhiêu phước tội. Vậy thì nơi ấy là nơi xét mình.*

*Chớ chi cả nhưn sanh biết xét mình trước khi thoát*

xác, thì tự nhiên tránh khỏi Âm quang. Nói cho cùng, nếu trọn kiếp, dẫu gây lắm tội tình, mà phút chót biết ăn năn tự hối, cầu khẩn Chí Tôn độ rỗi, thì cũng lánh xa khỏi của Âm quang, lại còn hưởng đặng nhiều ân huệ của Chí Tôn; là các chơn hồn đặng tự hối hay là đặng giáo hoá mà hiểu trọn chơn truyền lập phương tự độ, hay là con cái của các chơn hồn cầu rỗi.

**Ôi! Tuy vậy, hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn hồn sa đoạ hằng hà, mỗi ngày xem chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thầy; đó là mấy Đạo hữu tín đồ bị thất thế.**

*Em trông thấy bắt đau lòng, phái Nữ lại là phần đông hơn hết”.*

■ (Ngày 9-4-Giáp Tuất).

Tóm lại:

Cõi Âm Quang là cái quan ải, sau khi mất các chơn hồn phải đi ngang qua đó. Các chơn hồn phải đi qua cõi Âm quang để nơi đây thanh lọc. Chơn hồn nào trong sạch, đạo đức, có đầy đủ công quả thì cho đi lên. Chơn hồn nào ô trước, tội lỗi thì phải ở lại đây để học đạo. **Riêng tín đồ Cao Đài, ai giữ đúng luật Đạo, thì Đức Chí Tôn đặc ân cho đi thẳng lên Cửu Trùng Thiên, có Cửu vị Tiên Nương dẫn đường, được từ tầng Trời thứ nhất lên đến tầng Trời thứ 10 là Hư Vô Thiên, vào Ngọc Hư Cung, được các Đấng xem xét công và tội. Công nhiều thì thăng và có phẩm vị tương xứng; tội nhiều thì trở về cõi Âm Quang học đạo.**

Khi Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cũng là mở Đại Ân Xá Kỳ Ba, Đức Chí Tôn ra lệnh đóng

cửa các cõi Địa ngục, giải phóng tất cả tội hồn, cho đi đầu kiếp hết thủy để trả cho dứt các món nợ oan nghiệt, đồng thời Đức Chí Tôn mở ra con đường tu hành để độ rỗi tất cả các linh hồn, dầu nguyên sanh, hóa sanh hay quả sanh, nếu biết tu hành và lập công quả đầy đủ thì đắc đạo. Những linh hồn nào còn tiếp tục phạm tội thì Đức Chí Tôn cho đến cõi Âm Quang để học đạo, có chư Tiên, Phật đến dạy đạo, để định tỉnh tinh thần mà ăn năn sám hối tội tình. Nơi cõi Âm Quang nầy, Đức Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa các Nam tội hồn, và Thất Nương DTC giáo hóa các Nữ tội hồn. Những hồn nào học đạo tốt và biết giác ngộ thì được đi đầu kiếp nơi cõi trần để trả quả và lo tu hành, hầu được trở về cùng Chí Tôn.

## II. CHỮ TÌNH & CHỮ HIẾU

Tuy công nghiệp của Cô to tát như thế, nhưng trong tâm Cô vẫn chưa thanh thản trọn vẹn khi nghĩ đến Cha mẹ phạm trần trong kiếp đầu thai ở Việt nam.

Năm 1925, trong một đàn cơ có mặt ông Vương Quan Trân, Cô giảng cho một bài thi như sau:

*Cúi lạy thân sinh thứ lỗi con,  
Âm Dương tuy cách, hiếu tâm còn.  
Hồn quê níu nắm tình non nước,  
Phách quế náo nường dạ sắt son.  
Ác lặn hiền đoài già nhắc nhởm,  
Nguyệt trâm non Thái trẻ thon von.  
Thấy nhau thêm tủi đường ly biệt,  
Đá nát xương tan nghĩa vẫn còn.*

Ngày 22-11 Đinh Hợi (1947), Ngài Khai pháp TRẦN

DUY NGHĨA thuyết đạo tại Đền Thánh về luật công bình Thiên liêng Ngọc Hư Cung có cho biết rằng: “Vào năm 1929, Cô hay tin Ông Vương Quan Trần mất, bị đọa nơi Diêm cung nên Cô lên xuống Diêm cung để thức tỉnh cha của Cô. Vì phế phạm, nên NGỌC HƯ CUNG bắt tội Thất Nương làm cho cả ĐIỀU TRÌ CUNG náo nhiệt. Bát Nương lo cho Thất Nương mới giáng cơ báo tin cho Đức Phạm Hộ Pháp và yêu cầu Ngài xin với NGỌC HƯ CUNG ân xá cho Thất Nương. Đức Phạm Hộ Pháp liền lập đàn cơ, Thất Nương giáng tỏ bày nỗi niềm hiếu đạo:

*Hỏi ai có biết HIẾU ra sao?*

*Chín chữ cù lao giá thế nào?*

*Hình vóc cảnh Tiên còn dính máu,*

*Chơn Thần nước Phật giữ thai bào.*

*Nỗi riêng chưa vẹn thân từ phụ,*

*Nghĩa nặng đeo đai phạm má đào.*

*Thà xuống Âm cung chia khổ tội,*

*Cha vậy, ai nữ nộ dài cao!*

Đức Hộ Pháp đọc bài thi rồi thì xúc động từ tâm, nghĩ vì luật pháp Thiên điều quá nghiêm khắc, e rằng nơi mặt thế này không ai tránh khỏi tội. Cô Thất Nương vì chữ hiếu mà phải bị phạt, thế thì Luật Công Bình có lẽ còn có chỗ khuyết điểm chăng? Đức Hộ Pháp quyết định dâng sớ lên Đức Chí Tôn xin tội cho Thất Nương. Đức Chí Tôn nhận được tờ sớ, liền giao cho Đức Lý Thái Bạch và nói rằng: “*Con coi, Tắc nó trách Thầy, ắt nó chưa hiểu rõ Luật Công Bình Thiên điều thế nào, con cũng nên đến giải cho nó đặng hiểu.*”

Vâng lệnh Đức Chí Tôn, Đức Lý giảng cơ nói cho Đức Hộ Pháp hiểu rõ và cho bài thi về Luật Công Bình



Thiên liêng như sau:

*Phải giữ chơn linh dặng trọn lành,  
Ngọc Hư toàn ngự Đấng tinh anh.  
Luật điều Cổ Phật không chừa tội,  
Hình phạt Chí Tôn chẳng vị tình.  
Chánh trực kinh oai loài giả dối,  
Công bình vừa sức kẻ chơn thành.  
Mũi kim chẳng lọt xưa nay hẳn,  
Biết sợ xin khuyên cẩn thận mình.*

LÝ GIÁO TÔNG

Trong bài Thuyết đạo của Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng tại Đền Thánh vào thời Tý ngày 15-12-Đinh Hợi (1947), có một đoạn Ngài Cao Tiếp Đạo nói về cái khổ của Thất Nương vì chữ Hiếu, trích ra như sau:

*“Cái khổ đó chưa ai tránh được, dầu cho bực Thần Thánh có thân hình cũng phải vào cảnh khổ đó. Chính Thất Nương cũng vì khổ đó, cho nên mới có để lời than, sau khi đã lãnh lệnh xuống cõi Âm quang độ con cái của Chí Tôn đang bị giam hãm nơi đó, lựa chỗ cho đầu thai. Thật là một ân huệ vô cùng vô tận của Đức Chí Tôn để độ tận con cái của Người vậy.*

Thất Nương là vì Hiếu, khi hay tin cha mẹ mắc tội nơi Phong Đô, liền bỏ Cung Diêu Trì, xuống đó độ rồi nên bị Thiên đình bắt tội. Đã hai kiếp sanh khổ vì Tình vì Hiếu, nên sau khi Thất Nương được đặc ân của Ngọc Hư Cung xá tội, liền tình nguyện đến cõi Âm Quang độ rồi các chơn hồn thất thế, đặng trả nghĩa cho Thầy. Trước khi đi, trong một kỳ đàn, Thất Nương có đến từ già và để lời than với Đức Hộ Pháp và một vài Chức sắc

Hiệp Thiên Đài.

Bài thơ ấy như sau:

*Hai kiếp đeo đai lấm nợ trần,  
Cái thân vì khổ bận cho thân.  
Niềm duyên đổ ngọc lan phòng nguyệt,  
Nỗi hiếu rơi châu tước mộ phần.  
Giữ Đạo mong chờ ngày độc tịch,  
Bán mình quyết cứu độ song thân.  
Nước non càng ngấm càng thêm chạnh,  
Chạnh lắm khi mang mảnh xác trần.*

■ **THẤT NƯƠNG**

Đọc bài thơ trên, chúng ta chỉ biết cảm thương cho bà. Cha mẹ bà vì sao bị tội nặng đến thế?

Côi Hư Linh có Thiên luật riêng, chúng sanh không thể nào hiểu thấu. Buổi đầu khai ĐẠO, ngày 13-11-1925, ba Thiên sứ trách Cô Thất Nương không nói thật thiên cơ, Ba ông Cư, Tắc, Sang nói: – *Anh trách sao em không nói thật A Ắ Ắ là ông Trời, em thấy ba anh như mù, em cứ gạt hoài.*

Thất Nương đáp: – *Trời là Trời, em là em. Em rõ biết nhưng không dám lậu, nay ba anh đặng biết vậy em mừng.*



TIẾT 3. THƠ VĂN, THÁNH GIÁO CỦA THẮT NƯƠNG

---



### TIẾT 3. THƠ VĂN, THÁNH GIÁO CỦA THẤT NƯƠNG

#### 1. MỪNG THAY!

*Đã cùng nhau trót mấy lời giao,  
Cách mặt mà lòng chẳng lảng xao.  
Đàng đạo càng đi càng vững bước,  
Cõi Thiên sau ắt hội cùng nhau.  
Một nhà vậy hội rất mừng thay,  
Đạo Thánh từ đây dựng vẹn ngay.  
Một bước một đi đường một tới,  
Lòng thành xin trọng thấu Cao Đài.*

■ (22-12-1925)

#### 2. THƠ TẶNG

*THẤT thế nào thân chó tưởng lâu,  
NƯƠNG cùng quý vị chỉ đường cầu.  
KÍNH đem đến tận bờ dương liễu,  
TẶNG nghĩa Đài sơn kẻ chực châu.*

■ (2-9-1942)

#### Giải nghĩa bài thơ tặng:

– *Thất thế nào thân chó tưởng lâu*: Các nguyên nhân xuống trần coi là thất thế, khuyên vào cửa Đạo ẩn thân tu hành đi, không lâu đâu, tu nhất kiếp là ngộ nhất thời đó.

– *Nương cùng quý vị chỉ đường cầu*: ráng theo chân các bậc nguyên nhân, Chơn-Linh mà học Đạo.

– *Kính đem đến tận bờ dương Liễu*: Tôi đây (Thất-Nương) ở cõi Hạo-Nhiên Pháp-Thiên, sẽ đưa chư vị đắc Đạo về cõi Tây-Phương Cực-Lạc.

– *Tặng nghĩa Đài sơn kê chức châu*: trong tôn giáo Cao Đài lần này là trường thi Tiên do Ngài DI-LẠC chứng quả, có nhiều người đưa đón vinh hiển lắm.

### 3. TẶNG THANH SƠN

*Tài Thanh Sơn, trí Thanh Sơn!  
Câu văn tuyệt bút vẽ nên hồn.  
Giục lòng chí sĩ chưa vừa sức,  
Múa bút thần tiên đủ chấp quờn.  
Dệt thảm lê dân Trời cảm cảnh,  
Thêu sấu xã tắc Đất kinh hồn.  
Nắn nhồi trí sĩ thành linh khí,  
Rèn chất anh thư đắp lũy đồn.*

### 4. VIẾNG CỔ NHÂN

1.

*Lừa dịp đình chơn viếng cổ nhân,  
Cảm tình trông đợi, dạ ân cần.  
Chầy ngày tuy chẳng thăm nhau đặng,  
Mà tấm lòng kia vẫn luống gần.*

2.

*LỄ kính đề mấy chương tiết nghĩa,  
Vô tự đề cửa tia chứa chan.  
Trăm cay là phép tạo nhân,  
Có phong ba mới dựa hàng trượng phu.*

3.

*Hỡi nào kẻ lo lường nghiệp Đạo,  
Hỡi những trang nóng máu anh phong.*

*Ngôi Thiên để tựa bóng hồng,  
Phục hưng gầy nghiệp con Rồng cháu Tiên.*  
■ 15-8-Bính Tuất (9-9-1946)

### 5. DẠY ĐẠO

*Cái Hư cái Thiệt đoán sao ra  
Thiệt Thiệt Hư Hư vẫn đó mà.  
Muốn lợi ham danh, danh phải mất.  
Mến hiền ưa Đạo, Đạo càng ra.*

### 6. TÌNH ÁI

*Người tình ái lòng thương như biển,  
Cả nước non hoà tiếng yêu đương.  
Thương hơi gió lá dương sương,  
Thương chim đỗ cội, thương tường che hoa.  
Thương tiếng dế như hoà khóc bạn (nhạn?),  
Thương hơi cây gió thoảng reo đồn.  
Thương bầy thú nhảy đầu sơn,  
Kết đôi chăng hiểu tiếng hờn chia bầu.  
Thương sông chảy như râu nhẵn mặt,  
Thương gành khuya như bắt cầu Lam.  
Thương con thuyền bá nương bướm,  
Thương dòng nhi nữ chứa hờn Tương giang.  
Thương gió lạnh mây tan Trời rặng,  
Thương muôn sao nhấp nhoáng bóng khuya.  
Thương mưa đổ giọt châu rìa?,  
Cỏ cây như nước chan hoà đầm xuân.  
Thương đến chốn gọi rừng Trước tử,*

Chúa hiền xưa đặng giữ Đạo Trời.  
Thương công ngư phủ đằm khơi,  
Đò non rước khách lập đời an nguy.  
Thương vạn vật cũng bì đồng loại,  
Thương non sanh chẳng môi lòng thương.  
Thương người lạc bước lỗ đường,  
Tìm chơn Cung Tốt, lạc đường Bích Cung.  
Thương các Đấng anh phong vị chúng,  
Thương những trang bỏ sống vì nhà.  
Thương luôn mã ử thân ma,  
Cốt căn bao Đấng san hà gây nên.  
Thương cửa Khổng chẳng bên mới Đạo.  
Thương nhà văn khó bảo cơ văn.  
Đòi phen nắm viết muốn quăng,  
Đề danh chẳng kể đáng bằng ghi tên.  
Thương những kẻ vì hiền khổ phận.  
Cửa tang du khó lẫn đầu hiền.  
Thương người đeo thảm chuốc phiền,  
Nỗi duyên lỗ dô hương nguyên lạnh tanh.  
Thương những kẻ ôm dành cả nghĩa,  
Thương cho người cửa tía cầu ô,  
Bán thân vì chút từ cô,  
Đem duyên mà đổi liễu bỏ buôn may.  
Thương nỗi bạn hàng ngày trông bóng.  
Kiếm người thương những ngóng tin sương.  
Tuyết khuya bữa lạnh then giường,  
Gối chẵn chia nửa, bước đường lạnh tanh.

Thương nghe dễ năm canh trời giông,  
 Tưởng như đường ươm gióng dây loan.  
 Thương ai thốn thức canh tràng,  
 Vô phòng phòng vắng, vén màn màn coi.

Thương cho kẻ ngậm ngùi lỗ phận,  
 Tìm kiếm đôi lại vấn vương oan.  
 Thương người lánh tục tìm nhàn,  
 Trẽ chơn mà bị phụ phàng tình duyên.

Thương người giữ chẳng bên danh tiết,  
 Vì thương nên khó biết trong mình,  
 Thà cam chết sống với tình,  
 Chia tay chẳng chịu sớm đành phụ nhau.

Thương Trời rặng lao xao cánh nhận,  
 Đến đưa tin cửa Hồn Chiêu Quân.  
 Thương người lạc bước phong trần,  
 Đem thân Hồ Hồn bỏ phần tơ duyên

Thương người những chờ thuyền biển ái,  
 Bồng con thơ ngẩn ngại trông chồng.  
 Tắm trinh đổi mặt non sông,  
 Đành đem thân đá hẹn cùng tuyết sương.

Thương mây toả như đường vẽ bóng,  
 Chúc Nữ kia ngồi ngóng Ngưu lang.  
 Trông vờ cánh thước nhọn nhàng,  
 Cầu ô chẳng đến lấp đàng hiệp đôi.

Thương Cung Quảng, Hàng ngồi ngó bể,  
 Đợi tin chàng Hậu Nghệ đến thăm.  
 Thương ai mển trộm nhỏ thăm,



*Lựa duyên chẳng chịu ôm cầm thuyên ai.  
Thương Tô Huệ hằng ngày dệt gấm,  
Dâng tấm trinh vào tận đến rồng.  
Thương người chịu nhục cùng chồng,  
Dấu xa ân ái còn nồng nghĩa nhân.*

■ (1933)

### 7. ÂM QUANG LÀ GÌ?

... Thừa cùng mấy chị, em xin nhắc nhở điều này: Ngày hội Ngọc Hư dựng lo phương tiếp pháp của Tây phương Cực Lạc qua, em đã lắng nghe thấy những lời của Địa Tạng Vương Bồ Tát than thở rằng: *Ngài là Phật nên khó gần gũi các hôn Nữ phái mà khuyến giáo cơ giải thoát mê đồ. Bởi có nơi Âm quang, nữ hôn còn bị luyện tội nhiều hơn Nam phái bội phần.*

Em lại nghe Người ước rằng: chớ chi có một đấng Nữ Tiên dám đảm đương đến phổ tế mới mong tận độ chư vong của Phong đô thoát kiếp. Em mới để dạ lo lường cả lòng lẫn ái đến đó; em đã chán thấy nhiều tội tình chẳng trọng hệ, song có hôn chịu sâu thẳm lạ thường. **Em đã liệu nhiều phương thế cho từ đây mấy chơn hôn có bề để tránh khỏi cửa Âm quang hãm tội.** Em nên nói rõ âm quang là gì trước đã, rồi thì mấy chị mới hiểu đặng.

Âm quang là nơi Thần Linh Học gọi là nơi Trường đình của chư hôn giải thể hay nhập thể. Đại Từ Phụ đã định nơi ấy cho Phật gọi là “*Tịnh Tâm xá*” nghĩa là nơi của chư hôn đến đó đặng tịnh tâm, xét mình coi trong kiếp sanh bao nhiêu phước tội. Vậy thì nơi ấy là nơi xét mình.

Chớ chi cả nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác, thì tự nhiên tránh khỏi Âm quang. Nói cho cùng, nếu trọn kiếp, dẫu gây lắm tội tình, mà phút chót biết ăn năn tự hối, cầu khẩn Chí Tôn độ rỗi, thì cũng lánh xa khỏi cửa Âm quang, lại còn hưởng đặng nhiều ân huệ của Chí Tôn; là các chơn hồn đặng tự hối hay là đặng giáo hoá mà hiểu trọn chơn truyền lập phương tự độ, hay là con cái của các chơn hồn cầu rỗi.

**Ôi! Tuy vậy, hồng ân của Đại Từ Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn hồn sa đoạ hằng hà, mỗi ngày xem chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thầy; đó là mấy Đạo hữu tín đồ bị thất thế.**

Em trông thấy bắt đầu lòng, phái Nữ lại là phần đông hơn hết.

■ (Ngày 9-4-Giáp Tuất).

## 8. THỬ THÁCH TRÊN ĐƯỜNG TU

... “Em tỏ sơ, mỗi khi trong mình mấy anh có điều chi khác, hoặc đau lạ kỳ hơn kẻ khác, xin mấy anh không nên phiền phức. Ấy là các Đấng chuyển đa. Sửa tâm luyện tánh, tẩy sạch phách hồn cho tinh chuyên, trong mấy điều sửa đổi đó, phải chịu hành xác chút đỉnh. Ấy là phận sự của kẻ chỉ giáo, còn phải chịu cho các vị Giám khảo hạch hỏi nữa nghe.

Trong Ban Khảo lại chia làm hai Ban khác nhau: một Ban khảo thí về tinh thần, một Ban khảo thí về vật chất. Phải biết phân biệt hai Ban này có lộn Quý vương nữa đạ, vì Chí Tôn cho lệnh chúng nó.

– Khảo về tinh thần: là làm cho trí não mờ mịt,

**biếng nhác, hay quên, quạu quọ, bị kẻ khác sỉ nhục tên tuổi mình.**

– **Khảo về xác thịt: thì đau té, có khi bị chúng giọi đầu, gia đình lộn xộn, xào xáo chẳng yên.**

Đó là em kể sơ qua, chẳng phải dễ đâu? Hữu duyên đắc ngộ, vô duyên muôn kiếp bất tương phùng. Biết Đạo mầu, nhà triệu phú muốn đổi cũng chẳng thềm. Thanh thì bản, trước lại phú. Có phân cây mới tốt, mà phân vẫn là chất trước. Phép này dễ học hơn hết. Hễ mỗi lần xác phách muốn làm điều chi thì mấy anh tự hỏi cái điều này: Ông Trời có làm đặng không?

Rồi mấy anh suy nghĩ cho đáo để sẽ trả lời cho phách của mấy anh. Mỗi lần cứ thi hành theo phương pháp ấy thì ngày sau có kết quả mỹ mãn.

Thí dụ thứ nhất:

Bạn chúng nói mình ý có quyền bảo nó đi cướp của của kẻ khác đem về mình hưởng, thì mình hỏi Ông Trời làm việc đó đặng không? Nếu biết nó là Ác tâm thì mình trả lời rằng: Không được, điều đó ác lắm, không nên làm.

Thí dụ thứ nhì:

Mình xúi hai đảng kiện lộn với nhau, đặng mình thủ lợi, thì thử hỏi Ông Trời có xúi làm điều đó không? đặng trả lời cho phách biết rằng: điều đó độc hiểm lắm, không nên làm. Các anh hiểu chưa?

Thường ngày nhớ mấy điều này: **Thánh Thần đều biên chép những công chuyện của ta làm, nghe những tiếng của ta nói, cho đến ngày cùng vậy. Nên trước khi ta làm điều chi hay là nói tiếng chi cũng phải suy nghĩ**

coi có nên không? Chừng ấy sẽ làm hoặc nói chẳng muộn gì.

### 9. THÁNH-GIÁO CỦA THẤT NƯƠNG, 3-4-CANH DẪN

*Tòa Thánh, 3-4-Canh Dẫn (19-5-1950)*

#### THẤT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

Vâng lệnh Phật Mẫu đến chỉ bảo việc hành đạo nơi địa phận Bắc Tông.

Hiện giờ nhơn sanh mới được một phần tỉnh ngộ nhưng lại gặp hoàn cảnh khốn khổ về nạn củi quế gạo châu, nên hằng chỉ lo cơm hai bữa, ngoài ra có trí nào nào khác mà nghĩ đến việc tu hành, vì có nên **buộc Đạo đã cao siêu mà tâm đời còn bận tục, cũng khó phải sạch nợ tiền khiên**, chỉ có một phần người hữu phước may duyên được giác ngộ, gặp chơn truyền thì sớm được hưởng huệ ân chan rười.

Vì vậy mà Đức Lý đã than cho tai nạn của nhơn sanh nơi các đô thị. Theo lời Thánh giáo của Ngài, ấy là do nghiệt chướng của nhơn sanh đào tạo, nhưng **Chức sắc có phận sự nơi ấy gắng thành tâm cầu nguyện các Đấng ban ân cho nhơn sanh được hồi tâm hướng thiện, biết tôn sùng tín ngưỡng Đạo Trời hầu chung hưởng hồng ân của Chí Tôn buổi đời Hạ gươn tự diệt**.

Hai em nữ phái gắng để tâm thương yêu đồng bào mà **lo độ dẫn mọi người biết Đạo là có âm chất, Đức Phật Mẫu sẽ ban ơn cho**. Hai em nhìn lại bao nhiêu người nơi địa phận chỉ biết sống qua ngày, nào có để trí nào lo cho đời cho Đạo. Vậy hai em ráng học hỏi Đạo lý cao sâu và biết rõ phương pháp của Đạo cứu đời đặng

gieo truyền cho mọi người được hiểu. Ấy là công trình của hai em, nhứt là công phổ độ. Còn mọi việc chi thì do nơi quyền Chí Tôn đã định.

... **Làm việc chi hễ có khổ nhọc thì mới được hưởng sự thung dung, ấy là lẽ cố nhiên của Chí Tôn sở định.**



### THẤT NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

Đã hèn lâu chị em vắng dạng vì bốn phạm của em phải ở nơi cõi Phong Đô đặng độ rồi các chơn hỗn bị sa đọa, nên chẳng thường đến như chị Bát Nương được. Em cũng thương đoàn nữ phái lắm chớ, nhưng chỉ vì chút bốn phạm mà em ít chuyện vãn với mấy em của em. Mấy em cứ tới hầu nghe Bát Nương sẽ luôn luôn giảng dạy.

... Vậy mấy em ráng nhớ tự mấy em phải làm nên gương mẫu trước thì mới mong diu dẫn được các bạn của mấy em đó. Mấy em phải **ráng chịu khổ hạnh trong một thời gian, ví như mấy em đã quên hẳn mình là chính mình. Có vậy mới thu được kết quả tốt đẹp đó nghe mấy em. Mấy em đừng dòm ra ngoài thế mà se sua thân phận cho thất phạm đó nghe.** Mấy em phải coi mình là người của sanh chúng thì mới đặng, phải hy sinh quên mình thì mới trọn lẽ thương yêu. Mấy em cũng nên biết vì thiếu sự thương yêu mà mấy em phải đầu thai làm nữ phái đó...

#### 10. THÁNH-GIÁO CỦA THẤT NƯƠNG, 4-8-ẤT HỢI

*Giáo Tông Đường, ngày 4-8-Ất Hợi (dl 1-9-1935)*

Phò loan: Hộ Pháp – Tiếp Đạo.

## THẤT NƯƠNG

Em may nghe đặng câu đờn thê thảm, tiếng ngâm ngọt ngào nhắc nổi tâm tư kiếp sanh buổi nọ. Ôi! Đòi ôi! Mi đã làm cho thiếp phải chịu đau đớn với mi dường nào? Đáng lẽ thiếp phải oán hận chê bỏ mi mới phải, nào dè khối tình thâm trọng nơi tâm thiếp là nơi bí mật mà mi đủ quyền hành năng lực khươi mở áo ngoài nó ra để lòi trái tim thân ái của thiếp.

Ôi! Câu hờn giọng thảm ai khéo bày trò. Ôi! Tánh hoai tình ai gây nên mối? Cái đời đã gọi là vô vị mà ai dè cho tới bậc Thần Tiên thoát trông đến cũng phải nghiêm nhiên yêu trọng. Hỏi cái trọng ấy do đâu nói thử? Thưa Nhị tỷ, đứng dậy hiểu câu hỏi của em rồi trả lời coi trúng chăng cho em học với.

Đứng dậy mấy em, con Tranh.

Cười... Vì THƯƠNG mà thôi, Nhị tỷ ôi!

Thiếp rúi qui Tiên trước cha mẹ. Thiếp nhớ mơ màng lại thì **chính bởi thương cha nhớ mẹ mà khổ lúc xuất hồn, còn các bậc Thần Tiên thì cũng ngủi ngủi nhớ kiếp sanh chịu khổ mới đoạt vị cao tăng**. Nhớ nổi khổ ấy lại mạn nông bằng mười nhớ tình sinh dục. Vì có nên hoàn thuốc nhiễm trần đã thấm vào cốt tủy như ghiền thuốc ghiền trà, hễ mùi nó vừa bay ngang qua mũi thì đã nhắc nhở những kiếp luân hồi chịu thảm sầu cùng thế sự.

Bởi vậy, Thiên điều đã hiểu sơ yếu nên định Pháp rất nghiêm: **Hễ nhiễm trần thì sa đọa**. Ôi! Những bậc cao siêu như hàng Tiên Phật ngày nay đương mang cốt nhục thi hài, đã chẳng đủ phương chống cự, đối thủ với dạ thương đời, nên cam thọ phạt, phòng nêu gương vị

chúng sanh hơn vị ngã, để lưu tánh đức cho đời, dụng làm cơ quan bảo tồn sanh mạng. Em tưởng chỗ cao kỳ nơi cõi Hư linh chỉ có một điểm là TOÀN ÁI mà thôi.

Mấy em mong cho hàng phụ nữ để trọn tắc dạ thương nhau thì dầu cho mấy từng Trời nhật nhiệm thế nào cũng đi tới...



## TIẾT 4. CAO ĐÀI LÀ MỘT NỀN VƯƠNG ĐẠO

### I. MỞ THỂ PHÁP HAY BÍ PHÁP TRƯỚC?

Vì sao trong buổi đầu khai Đạo, Thất Nương đến đầu tiên làm quen và khai tâm cho ba vị Thiên sứ: CAO QUỲNH CỬ, PHẠM CÔNG TẮC, CAO HOÀI SANG?

Bởi trong chữ Vương 王 có tàng ẩn chữ ngọc 玉 Nếu một cái chấm của nét chữ 丿 ấy xuất ra ngoài thì thành chữ chúa 主 nhập vào trong thành ra chữ Vương. Phải thấy CAO ĐÀI là một nền VƯƠNG ĐẠO lấy Lễ làm đầu, tức là Nho Tông Chuyển thế. Đức Chí-Tôn những ngày tiên khai Đại Đạo đã phái cho Thất Nương Điều Trì Cung đến trước xướng họa thi văn với các ông: Cử, Tắc, Sang làm duyên thơ nối liền Tiên tục. Bấy giờ Tiên Nương lấy giả danh là Đoàn Ngọc Quế, xin kết tình huynh muội với ba ông. Phải chăng đây là một Bí mật của Thiêng liêng phải dùng Thể pháp trước rồi mới lộ Bí pháp sau? Điều này quả đúng như dự đoán của Đức Chí-Tôn mà Đức Hộ-Pháp có thuật lại rằng:

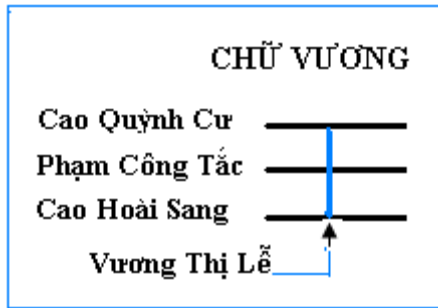
*“Đời quá ư bạo-tàn, cho nên Đức Chí-Tôn mới giáng trần mở Đạo cho con cái biết: các ngôi Thân, Thánh, Tiên, Phật đều tình nguyện hạ thế cứu đời, xuống bao nhiêu lại càng mất bấy nhiêu. Trong thời-kỳ ấy Bản Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo, thì Đức Chí-Tôn mới hỏi rằng: Con phục lệnh xuống thế mở Đạo, con mở Bí Pháp trước hay là mở Thể-Pháp trước?.*

*Bản-Đạo trả lời: – Xin mở Bí-Pháp trước.*



#### TIẾT 4. CAO ĐÀI LÀ MỘT NỀN VƯƠNG ĐẠO

*Đức Chí-Tôn nói: Nếu con mở Bí-Pháp trước thì phải khổ đa! Đang lúc đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở Bí Pháp trước, cả sự bí-mật huyền-vi của Đạo, Đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì mỗi Đạo phải ra thế nào? Vì thế nên mở Thế-Pháp trước, dấu cho đời quá dữ có tranh-giành phá hoại cơ thể hữu-vi hữu-hủy đi nữa thì cũng vô hại, xin miễn mặt Bí Pháp còn là Đạo còn. Bí pháp là Hiệp-Thiên-Đài giữ. Thế pháp là Cửu Trùng Đài mở mang bành trướng về mặt phổ thông chơn giáo”.*

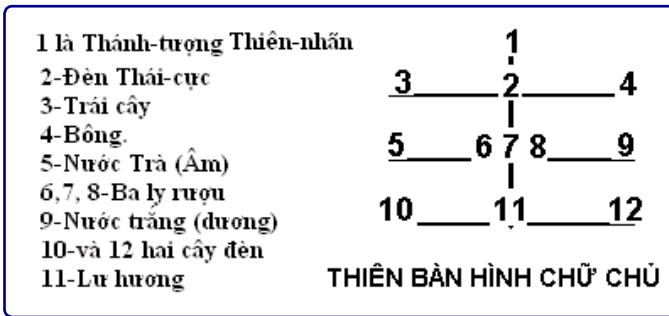


Như vậy Thầy đã đưa ra giả tượng, tức là Thế pháp trước. Chính Thầy đến cũng tá danh là AÃÃ. Thất Nương khi đã kết tình huynh muội mới nói rõ tên thật là VƯƠNG THỊ LỄ. Bởi ba ông là nam biểu tượng bằng ba nét Dương quẻ Càn ☰ Tiên nương là nữ tượng nét đứt, âm. Đặt hào âm lên quẻ càn thành ra chữ Vương 王. Như vậy Thầy cho Thất Nương đến trước báo cho dân tộc Việt Nam biết rằng Đấng Thượng Đế sẽ đến mở ra một nền VƯƠNG ĐẠO lấy LỄ làm đầu.

Ấy là quyền năng tối thượng mà Đức Thượng đế đã lựa chọn các Tướng Soái của Ngài từ lâu rồi. Đúng ngày giờ này Ngài đến gom lại “Dùng lương sanh để cứu vớt

*quần sanh”.*

Tu-hành chính là phương-pháp sửa đổi tâm-tánh để mình làm CHỦ được chính mình; khi đã tự mình làm chủ được mình rồi thì cũng làm chủ được vũ-trụ. Do vậy mà Đức Hộ-Pháp khi nhận công việc kiến tạo Đền Thánh có đầy đủ Bí pháp, hẳn là Đức Thượng-Đế đã ngầm giao cho sứ mệnh mở Đạo Trời, mà mỗi Đạo này có “**Bí-quyết đặc Đạo**” là **Thờ chữ CHỦ**. Bởi vì chữ VƯƠNG 王 ấy là Vương đạo mà Đức Thượng Đế làm Chủ 主 tức nhiên có một nét trên chữ vương thành ra chữ CHỦ là vậy. Thế nên biểu tượng thờ trời là Thiên-Nhân. Trên Thiên bàn đặt 12 Cúng phẩm thành chữ CHỦ.



Theo sự tiết lộ của Ngài Hồ Bảo Đạo thì:

- Từ ngày khai Đạo đến 50 năm (tức 1925–1975) phận sự giáo hóa của Thất Nương, Bát Nương và Cửu Nương.
- Kế 50 năm nữa (từ 1975–2025) phận sự giáo hóa của Tứ Nương, Ngũ Nương và Lục Nương.
- Rồi 50 năm kế nữa thì phận sự chánh của Nhất Nương, Nhị Nương và Tam Nương. (2025–2075).

Vì thế, Thất Nương và Bát Nương cho chúng ta nhiều bài Thánh giáo hơn cả.

■ (Trích trong “*Dịch lý Cao Đài*” của Nguyễn Thủy)

## II. TIÊN HAY PHẬT?

Trong quyển kinh “**Thiên Đạo và Thế Đạo**” do Hội Thánh ấn hành trong mục hướng dẫn cúng đàn tại Phật Mẫu hướng dẫn người tín đồ Cao-Đài xá ba xá và niệm:

“**Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn**”

“**Nam Mô Cửu Vị Tiên Nương**”

“**Nam Mô Bạch Vân Động Chư Thánh**”

Nhưng khi tụng xong bài kinh “**Xưng tụng công đức Diêu Trì Kim Mẫu**”. Phần kết luận dạy niệm “**Nam Mô Tạo Hóa Huyền Thiên Cửu Vị Nữ Phật**”.

Vậy chúng ta quan niệm như thế nào và tại sao có hai danh xưng như thế? Điều này không có gì khó hiểu vì Các Đấng ấy là một. Trong ngôn ngữ dân gian nếu bạn để ý thì thấy trong những chuyện thần thoại về quyền phép biến đổi thì người ta đề cập đến Tiên, khi nói đến sự giác ngộ thì đề cập đến Phật.

**Giác ngộ là Phật. Quyền phép là Tiên.** Trong tinh thần tín ngưỡng của dân gian là như thế.

Qua câu chuyện thần thoại chúng ta thường nghe một bà Tiên khi đưa cây gậy hóa phép từ một nơi nào đó, thành ngôi lầu đài tráng lệ hiện ra, hóa phép lần nữa ngôi lầu đài biến mất người ta gọi là phép Tiên. Còn Phật là sự giác ngộ, giác ngộ là Phật, mê muội là chúng sanh. Phép thần thông đối với Phật không phải là không có nhưng

phương tu theo Phật con người chú ý tới sự giác ngộ. Trong kinh điển Cao Đài buổi đầu các Chơn linh đến dạy Đạo cho các vị tâm tu học Đạo, buổi ban sơ thì xưng là Cửu Vị Tiên Nương có nghĩa là quyền phép của các Bà hay nói đúng hơn là các Chơn linh này từ chỗ hư không, giao tiếp với người trần bằng cách xây bàn, cầu cơ làm thi họa với nhau, từ đó lập nên mối đạo Cao Đài giống như là một giấc mơ. Từ chỗ những bậc tiền bối xây bàn, cầu cơ tìm thú vui giải trí lạ hơn những chuyện thế tình mà nó biến hình ra được thành một tôn giáo đó là phép Tiên. Mười năm sau, các vị này đã ý thức được việc tu hành rồi, mới cầu các Đấng xin kinh để tụng hoặc là tự mình sáng tác nhờ quyền Thiêng Liêng chính lại. Bài kinh “*Xưng tụng công đức Phật Mẫu*” kết luận dạy niệm “*Nam Mô Tạo Hóa Huyền Thiên Cửu Vị Nữ Phật*”.

Chúng ta thấy rằng **Phật hay Tiên cũng là các Chơn linh đó thôi, nhưng phần sau với danh xưng này ý muốn nói đến sự giác ngộ**, nếu chúng ta chấp ở từ ngữ thấy nó không hợp lý vì Tiên là Tiên, Phật là Phật, quen suy luận quen sống trong thế giới nhị nguyên đối tính, cho nên A là A, B là B không thể A vừa là A vừa là B được. Đã là Tiên thì không Phật đã là Phật thì không Tiên, đó là cái nhìn trần tục của con người nê chấp vào từ ngữ chớ thật ra các Đấng ấy chỉ là sự sống cao diệu không có hình tướng, không có xác thân, không có tên tuổi gì hết. Danh xưng Tiên hay Phật do con người đặt ra để gọi các Đấng cao cả mà trước đây đã theo đuổi một phương pháp tu hành nào đó, tu theo kiểu Thích Ca gọi là Phật, tu theo Lão Trang gọi là Tiên. Do quá trình tu hành của các Ngài trước đây mà người đời có danh gọi như vậy, chứ thực ra

**đã giác ngộ tức nhiên là có quyền năng tâm linh mà đã có quyền năng tâm linh, tức nhiên phải giác ngộ đó là hai mặt của sự sống linh hồn.**

Các Đấng cao cả ấy khi thông công với loài người thì sử dụng ngôn ngữ của thế giới con người để truyền đạt Thánh ý cho dễ hiểu. Vì vậy danh xưng Thần, Thánh, Tiên, Phật do các Chơn linh ấy sử dụng. Nếu chúng ta không hiểu sâu về huyền lý rất dễ vướng mắc ở điểm này. Cửu Vị Tiên Nương hay Cửu Vị Nữ Phật vẫn là một và con đường tấn hóa của các Đấng ấy không ngừng nghỉ, giống như ánh sáng Mặt Trời soi rọi trên các hành tinh....

**Không phải Cửu Vị Tiên Nương có công trong Đạo Cao Đài mới được thăng lên phẩm vị Phật theo cái hiểu thường tình của thế gian.**

■ (Trích trong “*Luận Đạo*” của Nguyễn Long Thành)

## PHỤ LỤC: HỌ VƯƠNG & HỌ ĐỖ HỮU

### I. HỌ VƯƠNG & VƯƠNG QUAN KỶ

#### HỌ VƯƠNG

**Vương (王)** là một trong những họ phổ biến nhất của người phương Đông. Họ này đứng thứ 8 trong danh sách Bách gia tính. Cách viết như sau:

- Chữ Hán: 王
- Bính âm Hán ngữ: Wáng
- Wade-Giles: Wang<sup>2</sup>
- Chữ Hàn (Hangul): 왕
- Bình giả danh (Hiragana): わう
- Chữ Quốc ngữ: Vương, Vàng (họ người H'mông ở Việt Nam)
- Cách viết khác: Vong (ở Áo Môn); Vang, Vaj, Vaaj (trong tiếng Hmong)... Trong tiếng Hán, phương ngôn Việt và Khách Gia gọi họ này là Wong; phương ngữ Phúc Kiến là Ong, Bong; phương ngữ Triều Châu là Heng; phương ngôn Cám là Uông...

Chữ 王 có nghĩa là vua. Do đó, nhiều hoàng tộc trong lịch sử sau khi mất ngôi đã đổi sang họ này. Trong phạm vi bài này, chúng ta chỉ tìm hiểu các vị họ Vương có liên quan.

– **VƯƠNG THỊ TIÊN**, tức Ngọc Quang Công chúa, nữ tướng thời Hai Bà Trưng. Được Trưng Nữ Vương phong **Ngọc Quang công chúa**. Bà được xem là vị nữ thần Việt Nam vì đã có công giúp dân cấy lúa vào thời Lý.

- VƯƠNG THỊ LỄ (1900–1919)
- VƯƠNG QUAN KỶ (1880–1939)

### VƯƠNG QUAN KỶ (1880–1939)

#### A. Phần Đời

Ông Vương Quan Kỳ, tự Mỹ Lương, người tỉnh Chợ Lớn. Sinh ngày 29-5-1880 (khai sinh ngày 4-7-1880 tại Chợ-Lớn). Ông là cháu nội của Thống Chế Vương Quan Hạc. Song thân là ông Vương Quan Đế (1842–1887) và Bà Huỳnh Thị Bảy (1851–1935). Ông ngoại là Huỳnh Mãn Đạt (1807–1883).

\*\*\*Chú thích: *Huỳnh Mãn Đạt là người làng Tân Hội, huyện Tân Long, tỉnh Gia Định, nay là Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 24 tuổi, đời vua Minh Mạng, ông đỗ cử nhân khoa Tân Mão (1831) tại Gia Định... đến tháng 6 năm Giáp Thìn (1844), ông được thăng Thự Bổ chánh sứ tỉnh Hà Tiên. Khi nhà Nguyễn nhường ba tỉnh miền Đông (gồm Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) cho Pháp, Huỳnh Mãn Đạt lại được cử làm Tuần phủ Hà Tiên. Chẳng bao lâu sau, toàn cõi Nam Kỳ cũng vào tay Pháp hết, không hợp tác với chính quyền mới, ông từ quan về sống tại Rạch Giá cho đến khi mất. Theo bia mộ, Huỳnh Mãn Đạt qua đời vào tháng 2 năm Nhâm Ngọ (tức tháng 3 năm 1882), hưởng thọ 75 tuổi. Huỳnh Mãn Đạt thích ngâm vịnh, nổi tiếng giỏi thơ Nôm ở đất Đông Nai. Dù không trực tiếp tham gia nghĩa quân chống Pháp nhưng thơ văn của ông cũng đã tích cực công kích chống thực dân Pháp; vì vậy thơ ông và mộ ông sẽ được bảo vệ mãi mãi cho các thế hệ sau này học tập, noi gương.*

Thuở nhỏ Ông KỶ học ở trường Collège de Mỹ Tho, sau lên Sài-gòn học Lycée Chasseloup Laubat (1896) đậu Diplôme. Năm 1898, Ông đậu ngạch Thư ký sở Hành chánh Nam Kỳ và bắt đầu đi làm việc ngày 18-5-1898 tại Direction de L'Agriculture et du Commerce, cùng làm việc với ông Chiêu ở Dinh Thống Đốc Nam Kỳ, ngạch Tri phủ. Ông KỶ nhập Pháp tịch ngày 16-3-1912 lấy tên là Guillaume.

Ông Vương Quan-Kỳ phối ngẫu với Bà Huỳnh Ngọc Phan (1878-1949) người tỉnh Sa-đéc. Bà là con của ông Huỳnh Long Huấn và Bà Trần thị Kim.

Ông Bà có hai người con gái: **Vương Thanh Chi** (Sophie 1908-1980) và **Vương Xuân Hà** (Anna 1911-1983). Với người thiếp tên là Lê Thị Đước, Ngài có một con trai tên là Vương Quan Sen (1915-1985).

Anh trai thứ hai (khác mẹ) của ngài Vương Quan Kỳ là ông Vương Quan Trân, còn gọi là Vương Thế Trân (1863-1927) phối ngẫu với Bà Đỗ thị Sang (1866-1931). Bà là con gái lớn của Tổng Đốc Phương, có hai người con là **Vương Thị Lễ** (1900-1918) và **Vương Hiếu Nghĩa** (1905-1985)

## B. Vào Đạo

Quan Phủ NGÔ-VĂN-CHIÊU khởi sự trường chay và hành-đạo là kể từ “*Mùng một Tết năm Tân-Dậu*” (8 Février 1921). Tại Chùa Quan-Âm-Tự (Phú Quốc), CAO ĐÀI TIÊN ÔNG thường giảng-cơ truyền đạo cho Ngài tu và dặn phải giữ kín bí-truyền chừng nào tới thời-kỳ khai-đạo thì Tiên-Ông sẽ dạy... Gần cuối năm Ất-Sửu (1925), Đức Cao-Đài mới dạy Ngài đem mỗi Đạo truyền



ra. Ở Sài-Gòn, Ngài gặp trước hết là Quan-Phủ Vương-Quan-Kỳ là bạn đồng-song thân thiết. Ngài mới khuyên Ông Kỳ lo tu-tâm dưỡng-tánh và thờ Đức Cao-Đài.

Theo lời của cô Vương Thanh Chi và Vương Xuân Hà, ái nữ của ông Vương quan Kỳ, thì phụ thân các cô trước khi gặp đức Ngô đã có lần cầu tiên tại Thủ đầu Một rồi. Cho nên khi gặp đức Ngô, ông hay tới nhà bàn chuyện cơ bút rất là tâm đắc. Đầu tiên vì ở Saigon huyền náo quá, ông Kỳ mới rủ đức Ngô và đôi người bạn nữa đến nhà ông hội đồng Thôn, là chú lò nhuộm ở An Nhơn để cầu cơ, vì nơi này thanh tịnh. Về sau, các người trong nhóm thấy việc đi lại bất tiện (cách Saigon 6km) nên phải mượn nhà của ông Phủ KỶ, số 80 đường Lagrandière (sau đổi thành đường Gia-Long, hiện là đường Lý Tự Trọng) làm nơi cầu cúng.

### Gặp ông ĐOÀN VĂN BẢN

Lúc bấy giờ ông **Đoàn Văn Bản** đang làm đốc học trường Tiểu học Cầu Kho, ở gần nhà và là bạn quen với ông Vương Quan Trân là anh ông Vương Quan KỶ. Khi đàn cơ thiết lập tại nhà ông phủ KỶ mới mời ông đốc Bản tới xem. Một hôm ông phủ KỶ bảo ông nên hiến nhà làm chỗ lập đàn cho tiện vì nhà ông Phủ chật chội lại gần khám lớn ngại có điều bất tiện. Lúc đầu ông Bản còn do dự bảo rằng: *“Nhà tôi đang thờ đức Quan Thánh và ông bà, nếu thờ như vậy thì bỏ đi hết sao?”* Ông phủ KỶ trả lời rằng: *“Trong những buổi hầu đàn đó, chú hẳn cũng biết dù đức Quan Thánh, dù đức Thích ca, dù Jesus, dù một vị nào đi nữa cũng dưới đức Cao Đài một bậc. Thờ đức Cao Đài tức là thờ Trời, tức là có chư vị trong đó rồi. Còn ông bà thì thờ đằng sau chớ đâu có bỏ đi được.”*

Nghe vậy, ông Bản thuận thỉnh Thánh tượng, do các ông vẽ thờ đúng theo nghi thức đã có tại nhà ông phủ KỶ, vào khoảng cuối năm 1925.

### Gặp ÔNG LÊ-VĂN-TRUNG

Theo lời ông Nguyễn hữu Đắc là cậu bên ngoại ông Trung thì ông Trung là người gốc ở Cần giuộc, sinh năm 1880, xuất thân từ trường Chasseloup Laubat. Ông đắc cử Hội đồng quản hạt (Conseiller colonial: cai trị ba tỉnh) sau được thăng chức Thượng nghị viên (Membre du Conseil supérieur de l'Indochine). Qua năm sau, Ông được thăng ngũ đẳng bửu tinh. Ông Lê Văn Trung làm thượng nghị viên được 4 năm rồi chán chường hoạn lộ nên xin nghỉ việc để lo kinh doanh. Ông **Trung vốn là bạn với ông Vương Quan Trân, anh ruột ông phủ Kỳ**, nên khi thiết đàn tại nhà ông phủ thì ông Trung có đi dự nhiều lần. Người ta còn nói lúc bấy giờ ông Trung bị mù mắt, phải nhờ người nhà tên Thanh dẫn dắt. Một hôm ông dự đàn cơ, Ở trên cho bài thơ mà câu đầu là: *Mịt mù bóng loáng cũng đưa chen...* Tuy thế, khi ông vào Đạo thì đôi mắt sáng trở lại.

### Gặp NHÓM PHÒ LOAN.

Trở lại khi cô Thất Nương xưng là Đoàn ngọc Quế nhập bàn, các ông Cư Tác Sang có hỏi về lai lịch và mồ mã của Cô thì Cô chỉ chỗ đi tìm. Khi tìm được mộ, các Ông lại hỏi về nhà cửa, Cô chỉ lại nhà quan phủ Vương quan Kỳ là chú Cô. Chứa nhứt sau các ông mới đến tìm nhà quan phủ Kỳ lúc bấy giờ đã thờ phụng theo chân truyền đức Ngô rồi. Khi đến nhà ông phủ KỶ, các ông Cư Tác xây bàn tại đây. Trong một buổi đàn có mặt ông Vương

Quan Trân là thân sinh Cô Vương thi Lê, cô nhập bàn và cho một bài thi như sau:

*Cúi lạy thân sinh thú lỗi con,  
Âm dương tuy cách hiểu tâm còn.  
Hồn quê níu nắm tình non nước  
Phách quế nấu nường dạ sắt son.  
Ác lặn hiền đoài già nhắc nhôm,  
Nguyệt trâm non thái trẻ thon von.  
Thấy nhau thêm tui đường ly biệt  
Đá nát xương tan nghĩa vẫn còn!*

Từ đó ông phủ Kỳ thường hay liên lạc với nhóm phò loan để tìm biết những chi tiết khác do cô Lê đem lại. Ngày 27-1-26 một đàn cơ đã khai diễn tại nhà ông Cao Quỳnh Cư với sự chứng kiến của đức Ngô. Đức Thượng Đế cho hai bài tứ tuyệt:

### THẤY

*Đã để vào tòa một sắc hoa  
Từ đây đàn nội tử như nhà.  
Trung thành một dạ thờ Cao sắc  
Sống có Ta, thác cũng có ta.  
Đài sen vui nhánh trở thêm hoa  
Một đạo như con ở một nhà  
Hiếu nghĩa tương lai sau tựu hội  
Chữ Trung Từ Phụ vốn là Ta!*

**Khai đàn cho Ông Phủ Kỳ (31-1-1926)**

### THẤY

*Cao mấy từng mây lỗ mặt Trời,*

*Đài sen vui nở nhánh bóng tươi.  
Đạo mẫu cậy gĩa truyền như sư,  
Dạy trẻ cho an lấy Đạo Đồi.*

Qua đến ngày mừng 9 tháng Giêng (21-2-1926), nhằm ngày Vía Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Quan Phủ Vương Quang Kỳ có thiết Đàn riêng tại nhà ông số 80 đường Lagrandiere (bây giờ là đường Gia Long). Đêm ấy có mời Chư Nhu và mấy vị Đạo Hữu hầu Đàn, Thượng Đế giáng cơ dạy như vậy:

**Bửu tòa thơ thới trở thêm hoa,  
Mấy nhánh rời sau cũng một nhà.  
Chung hiệp rán vun nền đạo đức,  
Bền lòng son sắt đến cùng Ta.**

*Cái nhánh các con là nhánh chính mình Thầy làm chủ, sau các con sẽ hiểu. Thầy vui muốn cho các con thuận hòa nhau hoài, ấy là lễ hiến cho Thầy rất trân trọng. Phải chung lo cho danh Đạo Thầy. Đạo Thầy tức là các con, các con tức là Thầy, phải làm cho nhau đặng thể lực, đừng ganh gổ nghe. Các con giữ phận làm tùy ý Thầy muốn. Ngày kia sẽ rõ thấu ý muốn của Thầy.*

Khi ấy, Quan Phủ Ngô Văn Chiêu xin Thượng Đế lấy tên mấy người đệ tử mà cho một bài thi kỷ niệm.

**CHIÊU KỶ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,  
BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành.  
HẬU, ĐỨC, TẮC, CỬ thiên địa cảnh,  
Hườn Minh Mân đáo thủ đài danh.**

Thượng Đế lại phán: “*Hườn, Minh, Mân sau sẽ rõ...*”

Nguyên 12 chữ lớn trong ba câu trên là tên của 12 vị Môn Đệ trước hết của Thượng Đế. Có hai tên Sang, Thầy

điểm chung một tên. Còn ba chữ lớn câu chót là tên ba vị Hâu Đàn.

### **Ông Vương Quan Kỳ Được Phong Giáo Sư**

**Ngày 26-04-1926 (15-03-Bính Dần): Đức Chí Tôn Phong Thánh lần đầu.**

11 giờ 30 đêm 25 rạng 26 Avril (khuya 14 rạng 15 tháng 3 Bính Dần).

### **CAO ĐÀI**

Hỉ chư Nhu,

*Kim triều dĩ đảo Thiên Trung Quang,  
Am hiệu thể tình tánh đức nan.  
Chỉ đãi thời lai quang minh tự,  
Tả ban thiếu đức, hữu ban mang.*

Rán hiểu.

Đức, Hậu: Phong vị Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ.

Phong Cú: Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.

Phong Tác: Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.

Trung, Lịch: Đã thọ sắc, cứ tước vị mà theo lệnh sắc mạng Ta.

Kỳ: Phong vị Tiên Sắc Lang Quân Nhậm Thuyết Đạo Giáo Sư.

Bản: Phong vị Tiên Đạo Công Thần Thuyết Đạo Sư.

Trung: Xin phẩm vị để như cũ và xin dừng cho chư Môn Đệ lạy.

Ta nhận lời trước, còn điều sau phải tuân.

Chư Môn đệ đồng quì lạy Thầy <*xin thứ tội cho*

Ông Chiêu».

Chiêu thiếu đức thiếu tài.

Trung, con sợ ai? Ta không vị ai. Ta biết hơn người.

Ta há không biết thương sao? Ấy cũng vì thiếu đức. Nó đã biết Ta.

Cư tuân lời Thầy đã truyền mà thi hành...

### Gặp Thử Thách Trên Đường Đạo

Ngày 15-3-Bính-Dần, Ngài Vương Quan-Kỳ được phong chức Tiên đặc Lang quân nhậm Thuyết đạo Giáo sư. Rồi được Thiên-phong Giáo-sư phái Thượng, tức là **Thượng-Kỳ Thanh** ngày 14-5-Bính Dần.

Đến rằm tháng 10-Bính Dần (19-11-1926) lại xảy ra việc thử thách: Cô Vương Thanh Chi là ái nữ Ngài Vương Quan Kỳ bị “*nhập xác*” tạo nên chuyện biến trong ngày Lễ khai Đạo này tại Thánh Thất Gò-Kén. Có lẽ vì vậy thêm một lý do nữa khiến Ngài Vương Quan Kỳ chán nản và lui dần việc Đạo sự mới ra đến nỗi.

Đến ngày 14-11-Bính-Dần (18.12.1926) thì Đức Lý giảng dạy:

*“Thượng-Kỳ-Thanh bị sứt chức làm Giáo Hữu. Như không tuân lệnh xuất ngoại”.*

Đến ngày 18-11-Bính Dần (22.12.1926), Đức Lý dạy:

*“Thượng-Trung-Nhứt, Hiền-hữu viết thơ cho mấy Thánh-Thất lục tỉnh nói Thượng-Kỳ Thanh bị trục xuất ra khỏi hàng Môn-đệ chẳng quyên-hành truyền Đạo nữa. Như nó chẳng tin nghe lời bị phạt Tả đạo bàng môn thì chịu, nghe à! Đã lập pháp mà nó muốn làm chi thì*

*làm như buổi trước vậy hoài, thì bị phạm Thiên-diều tránh sao cho khỏi tội.”*

Ngày 28-11-Bính Dần (1.1.1927), Đức Lý giảng dạy: *“Thượng-Trung-Nhứt, Hiền-hữu từ đây coi Thượng Kỳ-Thanh như một Môn-Đệ vậy thôi, chứ chức Giáo-Hữu cũng cất luôn nữa. Thấy để lời xin tha mà pháp-luật đã phạm tha sao cho được”.*

Vào năm 1930, Giáo-Sư Thượng Kỳ-Thanh tức là Vương-Quan-Kỳ, không tuân lệnh Toà Thánh Tây-Ninh áp dụng nghi lễ mới, nên tách ra lập phái, lập tại Thánh-Thất Cầu-Kho.

Qua sự giới thiệu của Chơn linh Cô Vương Thị Lễ, Ngài Vương Quan Kỳ quen biết và cùng hành Đạo với nhóm của ba Ngài Cư, Tắc, Sang từ 17-11-1925 (ngày này do chính Ngài ghi lại trong sổ). Trước đó, vào năm 1924 Ngài làm việc chung phòng Thương Mại tại Dinh Thống Đốc với Ngài Ngô văn Chiêu. Nhưng từ khi Ngài Ngô văn Chiêu tách riêng lập phái Chiếu Minh thì Ngài Vương Quan Kỳ buồn bã và rời đi chuyện Đạo sự nơi chốn Tổ Đình, tức Toà Thánh Tây Ninh. Có phải vì lẽ đó mà Đức Lý trực xuất chăng?

Ngài Vương Quan Kỳ qui Thiên ngày 18-10-Kỷ Mão (1939) an táng tại Tân-Sơn-Nhì. Hôm tang lễ, các Ngài: Nguyễn Ngọc Thơ, Đoàn văn Bản có đọc bài Ai điệu đưa tiễn. Hiện tro phần của Ngài lưu tại Thánh Thất Bình Hoà (Gia Định). Trong *“Con đường Thiêng liêng hằng sống”* Đức Hộ Pháp nói về ông Vương Quan Kỳ như sau:

*“Bản-Đạo may duyên đặng thấy hình trạng ấy, chúng ta không thể gì định hành-tang người này hay, người kia dở,*

người này nên, người kia hư, nhiều điều ta ngó thấy trong cảnh này khác hẳn với khuôn luật vô hình, chúng ta chẳng thể nào đoán trước được. Bản-Đạo thấy người Bạn nhờ ơn Thiêng-Liêng của Đức Chí-Tôn, ơn riêng ban cho người Bạn ấy. Người ấy có Người chí thân là một Đấng cầm quyền trong hệ trên Hư-Linh tức là Điều Trì-CungThất-Nương. Bản-Đạo nói rõ, Người ấy là Vương Quan-Kỳ chú ruột của Thất-Nương vậy. **Người mở Đạo mà chẳng biết Đạo là gì hết. Đi theo một tư-tưởng của nền Chánh-giáo do Đức Chí-Tôn, định quyết tư-tưởng của Người ấy và cả hành-tàng, nếu chúng ta thấy ta sẽ lên án là Tả-Đạo Bàng-Môn chắc hẳn vậy.**

Lạ thay! Khi Bản-Đạo quay lại dòm thấy nhiều Bạn rơi xuống Bích-Hải khóc lóc, còn người đó bạn Thiên Phục giống hình đội mào Giáo-Su, lại áo tốt vắt vai, mào cầm nơi tay, bạn quần cụt ở trần đi ngật-ngờ, ngật ngưỡng cười một mình không biết cười cái gì, đi ngang qua Bát Quái-Đài như không vậy. Ấy các bạn đủ biết, dấu hành tàng của người bề hữu-vi thấy trái hẳn nền chơn-giáo Đức Chí-Tôn mà trọn tâm tín-ngưỡng Ngài, ta đoán không đặng. Người thợ Thiên-Phục áo mào dấu không thể gì mặc vô được, duy cầm nơi tay đi ngang vô Bát-Quái-Đài không quyền-lực nào ngăn cản được. Chúng ta nên lấy bài học ấy đặng để trong tâm, đừng phê-bình công kích. Thoảng ta có phận sự dạy-dỗ để diu-dắt cả các phần-tử Thánh-Thể của Đức Chí Tôn và chúng ta có được quyền lấy oai-nghiêm của mình tìm phương thế nào dạy-dỗ đặng hiểu biết về phần hình thể và phần hồn của toàn con cái Đức Chí-Tôn, ngoài ra không có quyền gì công kích, tự kiêu, mình bất quá là một phần-tử trong Thánh-Thể Ngài



*mà thối; không dặng quá tự-tôn tự-trọng. Cửa Thiêng-Liêng, chúng ta có những linh hồn, thoảng may duyên tạo nhiều linh hồn nữa, tức nhiên ta có đủ quyền năng, dù dất con cái của Đức Chí-Tôn trở về trong đường lối khai phá của Người, ấy là phận sự của chúng ta đó.*

■ (Đêm 08 tháng 9 năm Mậu-Tý (10-10-1948))

### **NGƯỜI LINH của Ngài VƯƠNG QUAN KỶ là HÀN TƯƠNG TỬ, vị thứ sáu trong Bát Tiên.**

Hàn Tương Tử sanh nhằm đời Đường, cháu ruột của Hàn Dũ, kêu Hàn Dũ bằng chú. Thuở nhỏ, Hàn Dũ ép cháu học Nho để tiến thân trên đường làm quan nhưng Hàn Tương Tử không chịu nên nói: Chú mộ công danh phú quý, cháu mộ đạo Thần Tiên. Vì vậy, Hàn Tương Tử thường lo tu tâm dưỡng tánh. Ngày nọ, Hàn Tương Tử gặp Chung Ly và Lữ Đồng Tân. Ba người dất lên non hái đào chín. Chung Ly biết Hàn Tương Tử sắp thành Tiên, liền kêu Hàn leo lên cây hái đào chín, nhánh đào gãy, Hàn Tương Tử té xuống bỏ xác thành Tiên, theo Hồn Chung Ly và Lữ Đồng Tân lên ở núi Bồng Lai. Tánh ông thích âm nhạc và ngao du sơn thủy. Ông có thể dùng sáo thổi nên những âm thanh kỳ diệu...

*HÀN mặc sẵn dành Đạo để thông,  
TƯƠNG giang rõ ngọn phải nhiều công.  
TỬ tôn noi dấu nên tu niệm,  
Đắc thất nên hư cũng tại lòng.  
Chỉ dạy người phạm trau tánh sáng,  
Giảng khuyên kẻ tục sửa mình trong.  
Đàn qua Khứu lãnh bao nhiêu dậm,*

*Khuyên thế tu hành học chữ KHÔNG.*

■ (17 tháng 12 năm Tân Mùi /1931).

Phàm làm người tại thế gian là chốn đua tranh danh lợi, hễ có danh có lợi thì có buồn, có vui, làm quan tổn đức, làm giàu bất nhơn, ít ai đặt thanh liêm chướng đức. Hễ đắm vào hai đường ấy thì buộc sự oan gia trái chủ. Khi giàu thiếu chi thê thiếp, thân bằng cố hữu; khi sang chẳng dứt kẻ hầu người hạ; khi nghèo thê thiếp vắng hoe, bà con biếng ngó; buổi công danh lỡ vận, hầu hạ lánh xa, xe tàn biếng chực. Xét lại cuộc giàu sang ở thế như huỳnh lương chi mộng, khuyên thế xét cho kỹ càng, lo tu cho sớm mà hưởng phúc thanh nhàn, khỏi lo luân hồi vay trả.

## II. HỌ ĐỖ HỮU

**Tổng Đốc Phương**, tên thật là **Đỗ Hữu Phương** (1841 – 1914), là một công sự đặc lực của **thực dân Pháp**. Trong thời kỳ đầu quân Pháp đến chiếm đóng **Việt Nam**, trong dân gian có câu: *Nhất Sỹ, nhì Phương, tam Xường, tứ Định*. Căn cứ theo lời truyền này, thì ông được xếp ở vị trí thứ hai trong số bốn người giàu có nhất **Nam Kỳ** buổi ấy.

Đỗ Hữu Phương sinh cuối tháng 6 năm 1841 tại Chợ Đũi (Sài Gòn), gốc người Minh Hương, biết chữ Hán, nói được tiếng Pháp. Cha ông là một người giàu có, tục gọi là Bá hộ Khiêm. Ông này đã cưới con gái một vị quan người Quảng Nam vào Nam Kỳ làm Tri phủ (sau về hưu với chức Lang trung bộ Binh) và sinh ra ông. Nhờ vào gia thế giàu có, ngay từ khi còn nhỏ, ông Phương đã được học hành và tiếp xúc với nhiều sách vở phương Đông lẫn phương Tây. Đây chính là cơ sở để ông Phương làm giàu sau này. Đỗ Hữu Phương sống và lớn lên chứng kiến

sự kế tục của 3 triều vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức với hoàn cảnh xã hội bất ổn triển miên. Khi Pháp đánh Gia Định, Phương đã đến tuổi trưởng thành, và lánh lên Bà Điểm, Hóc Môn. Qua trung gian của người Việt có đạo, Đỗ Hữu Phương được tiến dẫn đến trình diện với Francis Garnier, lúc ấy đang là Tham Biện Chợ Lớn, rồi sau theo Pháp luôn.

Năm 1861, Đ. H. P. vẫn còn ngoại đạo. Lý do khiến ông đứng về hàng ngũ Pháp, theo Vial, Giám Đốc Nội Vụ là sự giàu có cần được Pháp che chở. Theo luật phong kiến của Việt Nam, tất cả tài sản và đất đai đều thuộc quyền tối thượng của Vua, nên ông ra hợp tác với Pháp là để bảo vệ quyền lợi của mình. Đỗ Hữu Phương rất khôn ngoan, khi mới đầu quân với Pháp cũng tham gia vài trận đánh để tạo niềm tin. Chỉ trong vòng 9 năm, ông lên chức Đốc Phủ Sứ nhờ có công phủ dụ các cuộc khởi nghĩa, hoặc dẫn binh đi đánh dẹp các nơi như Vũng Liêm, Rạch Giá. Hai biến cố khiến Đ. H. P. củng cố thêm lòng tin cậy của Pháp là cải đạo Thiên Chúa và gia nhập Pháp tịch trước tiên ở Nam Kỳ (năm 1881).

Năm 1865, Đỗ Hữu Phương được chính quyền Pháp cho làm hộ trưởng (bấy giờ, thành phố Chợ Lớn chia ra làm 25 hộ), rồi lần lượt trải qua các chức vụ sau:

Năm 1867, ông được bổ làm Đốc phủ sứ Vĩnh Long.

Năm 1872, được chỉ định làm hội viên Hội đồng thành phố Chợ Lớn.

Năm 1879, làm phụ tá Xã Tây Chợ Lớn (một chức vụ như thị trưởng). Bấy giờ Hoa Kiều bắt đầu buôn bán, giao dịch nhiều với người Pháp, thấy Phương có thể lực,

quen biết với những người giữ chức vụ then chốt, nên nhiều người nhờ cậy Phương chạy chọt việc nầy việc kia với số tiền đền ơn hậu hĩ. Ông Phương thường ngấm làm trung gian để giới thương gia người Hoa hối lộ cho các viên chức Pháp. Nhờ vậy, mà ông giàu lên nhanh chóng, uy thế lên cao đến mức quan Toàn quyền Paul Doumer khi vào Nam còn ghé nhà thăm ông.

Trong đời làm quan của Đỗ Hữu Phương, có một lần ông bị mất tín nhiệm vì xin chứa chấp Thủ Khoa Huân ở trong nhà mình. Nguyễn Hữu Huân và Đỗ Hữu Phương vốn là bạn từ thời thơ ấu. Ông Huân sinh năm 1830 và đỗ đầu khoa thi Hương năm 1852 nên được gọi là Thủ khoa Huân. Khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ thì ông cũng giống như nhiều sĩ phu khác tham gia kháng Pháp. Ông từng sát cánh chiến đấu bên các lãnh tụ nghĩa quân Trương Định, Võ Duy Dương, tức Thiên hộ Dương, Âu Dương Lân. Ở tù được 5 năm, Thủ khoa Huân được Pháp ân xá nhờ Đỗ Hữu Phương bảo lãnh và xin chứa chấp ở trong nhà để giám sát. Đồng thời Phương đề nghị phía Pháp cho ông Huân làm giáo thụ dạy các sinh đồ vùng Chợ Lớn để lôi kéo họ về phía Pháp. Tuy nhiên, Thủ Khoa Huân đã tận dụng hoàn cảnh, trong suốt 3 năm, bí mật liên lạc với các Hoa kiều trong Thiên Địa hội.

Đỗ Hữu Phương qua lại thăm viếng nước Pháp nhiều lần: Năm 1878, ông được qua Pháp dự hội chợ quốc tế. Năm 1881, ông được gia nhập quốc tịch Pháp rồi qua Pháp chơi, thăm các con đang du học, hai lần vào những năm 1884 và 1889, 1894.

Trong tài liệu của Pháp mang ký hiệu SL. 312 ở Cục lưu trữ Nhà nước II, có đoạn khen ngợi Đỗ Hữu Phương

như sau (dịch):

*... Phương tích cực phục vụ cho sự nghiệp của nước Pháp, không chỉ với khả năng quân sự mà còn với sự hiểu biết tường tận về xứ này, đặc biệt là Chợ Lớn; và cả với sự khôn khéo, Phương đã nhiều lần thuyết phục dụ hàng những đồng bào của ông ta. Cùng với Đốc phủ Ca, Tổng Phước, Lãnh binh Tấn, Tổng đốc Lộc... ông ta là một trong những người giúp việc quý nhất cho các sĩ quan Pháp trong việc bình định xứ này và tổ chức các hạt...*

*Ông ta cố gắng tránh đổ máu trong lúc dập tắt nhiều cuộc nổi loạn gần đây. Ông ta đã xin chính phủ Pháp ân xá cho một số đồng những đồng bào của ông đã cầm vũ khí chống lại chúng ta... (Nhưng) đối với những tên xúi giục nổi loạn, ông ta tỏ ra không thương xót: một trong những bạn hồi thơ ấu của ông là Thủ khoa Huân... Huân lạm dụng lòng tin của Phương, núp dưới danh nghĩa của Phương mà chiêu tập bè đảng. Phương xin được hành quân cùng và đã góp phần tích cực vào việc nã bắt tên phiến loạn này... [1]*

Đương thời, Ông Phương là một thanh niên có tầm hiểu biết, giỏi ngoại ngữ có kiến thức văn hóa. Tuy con bá hộ “giàu nứt đố vách” nhưng không như các công tử khác chỉ biết tiêu tiền, đe nẹt người khác, Phương nhờ người giới thiệu và được giới cầm quyền Pháp giao cho chức quan nhỏ rồi tiến chức từ đó. Theo từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Đỗ Hữu Phương được Pháp thưởng Tam đẳng bội tinh, triều đình Huế phong hàm Tổng đốc.

Ông nhiều lần sang Pháp rồi nằm trong nhóm đại diện người Đông Dương tham gia hội chợ. Tiếp xúc nhiều với người Pháp, Tổng đốc Phương có cách sống, suy nghĩ và mau chóng coi văn hóa Pháp như nét riêng của mình.

Ông lúc nào cũng mặt đồ tây, gọn gàng, lịch thiệp, tiếp khách, trò chuyện tại các tụ điểm sang trọng. Điều này khác so với những phú hộ vốn khấn đóng, áo dài thời bấy giờ. Người Pháp và bạn bè nhận xét ông “*Tây hơn cả người Tây*”.

**Khôn khéo tột độ, kiếm tiền giỏi nhưng người giúp Tổng đốc Phương vươn lên vị thế giàu nhất nhì Sài Gòn là nhờ vào vợ.** Bà này họ Trần, con một quan lại lớn trong triều đình nhà Nguyễn. Bố vợ trước làm quan xứ Quảng Nam nhưng sau này đã chuyển vào Nam Kỳ làm Tri phủ. Sau khi cưới, vợ chồng ông Phương sinh sống trong một căn nhà lớn nhất nhì Sài Gòn khi đó. Bà tuy sống trong nhung lụa, giàu sang nhưng không vì thế mà đàn đúm như những quý bà trong giới thượng lưu. Chồng lo ngoại giao, thu vén bên ngoài, mọi chuyện còn lại người vợ cáng đáng hết. Bà nổi tiếng đảm đang, tháo vát ở đất Sài Gòn xưa. Gia đình có hơn 2.200 hecta đất, đến mùa vụ, người đàn bà họ Trần lo tất tần tật mọi việc từ tính toán thu chi rồi sắp xếp nhân công. Với hệ thống mua bán kinh doanh lên đến hàng nghìn cơ sở, bà lo việc kết nối các tiểu thương, xây dựng hệ thống buôn bán riêng biệt. Thời đó, gia đình ông Phương còn chi phối được một phần giao dịch thông thương tại các bến cảng Sài Gòn. Ruộng đất nhiều làm không xuể, bà cho các tá điền thuê lại. Đến mùa thu hoạch, phu nhân Tổng đốc phải đốc thúc việc nộp tô, thuế. Trước khi Pháp chiếm đóng Nam kỳ, gia đình ông cai quản một vùng rộng lớn phía Bắc Sài Gòn mà nhiều nhất là khu vực Bà Điểm ngày nay. Đất trồng lúa, vườn cây ăn trái ngút ngàn. Tại khu vực quận 5 bây giờ, gia đình sở hữu hàng trăm căn nhà mặt tiền để

cho thuê kinh doanh, sinh sống.

Học giả Vương Hồng Sển viết: *Sự nghiệp [của ông Phương] trở nên đồ sộ nhứt nhì trong xứ, phần lớn do tay phu nhân Trần thị gây dựng. Bà giỏi tài đảm đang nội trợ, một tay quán xuyến trong ngoài, làm của để thêm ra mãi, lại được trường thọ, mất sau chồng....*



Đỗ Hữu Phương (1841–1914).

**Ông Bà Đỗ Hữu Phương** là một trong những người đề xướng và đã bỏ tiền ra xây trường *Collège de Jeunes Filles Indigènes*, tức trường Nữ Trung học Sài Gòn, mà người dân thường gọi là trường Áo Tím (nay là Trường Trung học Phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai).

Năm 1914, Đỗ Hữu Phương mất, học giả Vương Hồng Sển viết rằng đám tang của vị Tổng đốc được tổ chức rất trọng thể. “*Thi hài của Đỗ Hữu Phương được*

*quần nửa tháng mới chôn. Hàng ngày có hàng trăm khách viếng. Tang gia cho mổ trâu, bò, heo liên miên cúng và đãi khách”, sách Sài Gòn năm xưa* nêu. Trước năm 1975, Sài Gòn có đường Tổng đốc Phương ở quận 5, sau này đổi thành đường Châu Văn Liêm (ngày 14 tháng 8 năm 1975).

### Các Con Của Ông Bà ĐỖ HỮU PHƯƠNG

Vợ chồng ông Phương có 6 người con. Đối với con gái trong nhà, Đỗ Hữu Phương giáo dục theo truyền thống Nho giáo.

1. Trưởng nữ là Bà ĐỖ THỊ SANG, kết hôn với Ông VƯƠNG QUAN TRÂN. Ông Bà là song thân của Cô VƯƠNG THỊ LỄ.

2. Trưởng Nam là ĐỖ HỮU CHẨN theo học trường Võ bị danh tiếng St-Cyr của Pháp sau làm Trung Tá trong quân đội Pháp. Ông là người Việt Nam đầu tiên và trẻ tuổi nhất làm trung tá trong quân đội Pháp. Đỗ Hữu Chấn mất vào Đệ Nhị Thế Chiến.

3. **ĐỖ HỮU VỊ, người phi công đầu tiên Việt Nam và cả Đông Nam Á.**

Đỗ Hữu Vị (1883–1916) là con trai út của Tổng đốc Đỗ Hữu Phương. Ngay từ lúc thiếu thời, Đỗ Hữu Vị đã hấp thụ một nền văn hóa Pháp hoàn toàn. Tốt nghiệp trường Taberd, được thân phụ gửi qua Pháp du học tại trường Collège St. Barbe ở Paris. Ba năm sau khi tốt nghiệp ông theo học không quân tại trường võ bị Saint-Cyr 1904 – 1906 ra trường mang hàm Thiếu Úy. Năm 1908, Ông trở về Pháp tham gia đội bay của Louis Charles Joseph Blériot bay qua eo biển Manche. Khi đó máy bay mới



được phát minh ra và việc lái máy bay được coi là việc rất phi thường. Đỗ Hữu Vị rất nổi tiếng và được vinh danh là một trong những người đầu tiên bay vòng quanh nước Pháp vào năm 1911

Ba năm sau khi ra trường, Đỗ Hữu Vị mới xin theo học Không Quân. Lúc đó người Việt Nam làm sĩ quan cho Pháp rất hiếm. Chỉ có hai anh em Đỗ Hữu Chấn, Đỗ Hữu Vị và Nguyễn Văn Xuân (sau lên Trung Tướng). Nên nhớ lúc bấy giờ máy bay mới được phát minh, cho nên làm phi công là một việc rất phi thường.

Tháng 12 năm 1912, ông trở lại Maroc, được thăng Trung úy. Cuối năm 1913, ông nghỉ phép ở Đông Dương, được Toàn quyền Pháp bấy giờ là Albert Sarraut nhờ giúp đỡ để xây dựng những cơ sở cho cơ quan hàng không thuộc địa. Ông cũng tham gia thử nghiệm một loại thuyền lướt trên mặt nước, chạy bởi động cơ cánh quạt máy bay do Charles de Lambert chế tạo (l'hydroglisseur Lambert) trên sông Cửu Long và sông Hồng. Các cuộc biểu diễn biểu diễn máy bay của ông ở Sài Gòn và Hà Nội làm dân chúng bàn tán sôi nổi một thời.

Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918) bùng nổ, Ông tình nguyện trở lại Pháp để tham chiến. Về Pháp và tham gia lực lượng hàng không trinh sát trong Thế chiến thứ nhất, ông lập nhiều công tích và được chính phủ Pháp tặng thưởng huân chương Bắc Đẩu Bội tinh ngũ đẳng.



*Tem ĐỖ HỮU VỊ*



Năm 1915, trên đường trở về đơn vị sau một trận đánh, máy bay của Đỗ Hữu Vị rơi vì bị bão cuốn, ông bị thương nặng gãy cánh tay trái, hàm mất và phần sọ bên dưới, hôn mê chín ngày, nhưng sống sót.

Ngày 9-07-1916 vào lúc 16 giờ, trong một cuộc tấn công quân Đức trên địa bàn giữa hai làng Belloyen-Santerre và Estrée, Đỗ Hữu Vị xung phong, bị trúng nhiều phát đạn, chết ngay trên trận tuyến. Đỗ Hữu Vị được chôn cất tại làng Dompierre thuộc vùng Somme. Ông được tưởng thưởng nhiều huy chương và truy thăng Đại Úy. Pháp cho in hình Đỗ Hữu Vị trên con tem phát hành khắp Đông Dương, và lấy tên ông đặt cho trường **Kỹ Thuật Cao Thắng** sau này.

Năm 1921 người anh cả Đỗ Hữu Chấn chuyển hài cốt về an táng trong phần mộ gia đình tại Việt Nam. Ở Sài Gòn trước kia có một con đường mang tên Đỗ Hữu Vị, chạy từ bùng binh chợ Bến Thành đến chợ cũ, giáp đường Charner (nay là đường Nguyễn Huệ). Hiện nay, đường Đỗ Hữu Vị được đổi tên lại là đường Huỳnh Thúc Kháng ở quận 1. Tại Hà Nội, phố Đỗ Hữu Vị thời Pháp thuộc được đổi tên lại thành phố Cửa Bắc hiện nay.

**4. ĐỖ HỮU TRÍ**, cũng có chức vụ trong nền hành chính thuộc địa nhưng không rõ.

**5. ĐỖ THỊ NHÀN**, có chồng là **Hoàng Trọng Phu** (1872 – 1946). Ông quê ở làng Đông Thái (nay thuộc xã Tùng Ảnh), huyện La Sơn (nay là huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Ông là con trai thứ của Khâm sai Kinh lược Bắc kỳ **Hoàng Cao Khải**, thường được gọi là Phó Vương nhà Nguyễn. Ông kế vị cha làm Tổng đốc Hà Đông năm 1906, lúc đó Hà Đông là tỉnh lớn và quan trọng ở Bắc Kỳ kể ngay sát Hà Nội (trong mấy chục tỉnh miền bắc triều đình đặt chức Tổng đốc ở các tỉnh Hà Đông, Nam Định, Bắc Ninh, Thái bình, Hải Dương, còn các tỉnh khác chỉ đặt chức Tuần phủ). Bên cạnh những hoạt động đảm bảo

trị an trong địa phận như những quan cai trị khác trong chế độ thuộc địa nửa phong kiến lúc đó, ông là người có tinh thần dân tộc, cùng với anh trai Hoàng Mạnh Trí (Tổng đốc Nam Định) đều âm thầm hỗ trợ Phong trào Đông Du, làm lơ cho hai trung tâm tuyển chọn người đi Đông Du ở Hà Đông và Nam Định hoạt động. Ông cho trùng tu các danh thắng như chùa Trầm ở Chương Mỹ, chùa Bút Tháp phủ Thuận Thành tỉnh Bắc Ninh, mở mang xây dựng ấp Thái Hà. Ông đã đóng góp nhiều công sức phát triển các làng nghề, dân sinh xã hội của tỉnh Hà Đông. Ông viết cuốn Nghề truyền thống Hà Đông mô tả chi tiết các làng nghề truyền thống của tỉnh Hà Đông. Toàn tỉnh có 136 ngành nghề với những sản phẩm nổi tiếng trong và ngoài nước, đặc biệt là ngành tơ lụa, khảm trai, thêu ren.. Ông cử các phái đoàn mang sản phẩm thủ công (thơ, lụa, mây tre đan) tham dự triển lãm tại thủ đô nước Pháp. Ông quan tâm phát triển làng nghề lụa Vạn Phúc trở thành điểm sáng về kinh tế.

Con gái của ông bà tên là Hoàng Thị Lý, có chồng là Tiến sĩ Luật Hồ Đắc Diễm.

Năm 1937 ông từ nhiệm Tổng đốc Hà Đông. Ông cổ súy phong trào chấn hưng Phật giáo tại Bắc kỳ những năm 1930. Tháng 11 năm 1934 tạp chí Đuốc Tuệ của Phật giáo Bắc Kỳ ấn bản do ông và ông Nguyễn Năng Quốc đứng đầu. Ông còn tham gia các hoạt động chính trị xã hội khác như thành viên Hội đồng quản lý Hội Khai trí Tiến đức, Chủ tịch Ủy ban tương tế xã hội trung ương Bắc Kỳ, Phó chủ tịch Hội đồng Tư vấn bản xứ Bắc Kỳ. Do có nhiều công lao với Nam triều, ông được phong Đại học sĩ Võ hiển điện, hàm Thái tử Thiếu bảo, nên được gọi là *cu*

*Thiếu Hà Đông.* Năm 1937 ông Phu về nghỉ hưu tại ấp Thái Hà, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông hay còn gọi là Ấp Hoàng Cao Khải và mất tại đây vào năm 1946, thọ 74 tuổi.

Mộ của bà Nhàn và ông Phu đều còn tại Hà Nội. Trong một đàn cơ năm Giáp Tuất (1934), Bát Nương cho biết có ý độ con cháu của gia đình bà Nhàn và ông Phu vào Đạo.



Bà Đỗ Thị Nhàn và chồng là ông Hoàng Trọng Phu

## Nhìn Lại & Suy Gẫm

Năm 1899, Ông Phương về hưu và dùng thời gian còn lại làm công tác từ thiện. Trước khi về hưu, ông Phương còn làm Phó chủ tịch “*Hội Nghiên Cứu Đông Dương*” (1883). Đây là nơi tập hợp những người Pháp quan tâm đến Nam Kỳ, cùng với những người Việt Nam giàu có, giữ địa vị quan trọng trong chánh quyền thuộc địa hoặc là trí thức.

Đến năm 1908, hội này có tất cả 260 hội viên, trong đó có 33 người Việt Nam, gồm những ông Hội Đồng Quản Hạt, nhơn viên hành chánh cao cấp. Riêng hai ông Pétrus Trương Vĩnh Ký và Paulus Huỳnh Tịnh Của là hội viên vĩnh viễn suốt đời. Cùng vào năm 1908, có một hội viên mới là ông Bùi Quang Chiêu, về sau làm lãnh tụ đảng Lập Hiến. Ông nội và cha của ông Bùi Quang Chiêu làm quan cho triều đình Huế, chống lại Pháp. Chiêu được du học Algérie, và sau đó qua Pháp tiếp tục, đỗ kỹ sư năm 1897.

Những năm cuối đời của Đỗ Hữu Phương, Nam Kỳ rất ổn định. Miền này nhiều nhà giàu lớn, có thói quen ăn xài theo Pháp, khác với Trung và Bắc Kỳ. Nhà hàng Continental là nơi gặp gỡ của các bạn bè Pháp Việt thượng lưu trí thức. Theo Pháp đó là chứng cứ rõ ràng về sự hòa hợp Pháp-Việt để pha trộn bản sắc giữa hai dân tộc. Một nhận xét khác về Đỗ Hữu Phương trong quyển «*En Indochine 1894-95*» của P. Barthelémy có nói đến một cuộc thăm viếng Đỗ Hữu Phương tại tư gia, đã ca tụng sự hiếu khách của ông ta như sau:

*“Khi viếng Chợ Lớn, đừng quên ghé thăm một ông Phủ giàu có danh tiếng của thành phố này. Quan Phủ bắt chước lối sống cực kỳ xa hoa của chúng ta. Ông là dân An-Nam, tuổi độ 50, tướng phốp pháp, có râu ngạnh trê, luôn luôn tự*

*phụ. Ông không do dự trong việc cho con qua Pháp du học. Nhà ông nửa Tây, nửa ta.”*

Căn nhà ngôi 5 gian rộng lớn của ông ở ngay vị trí khách sạn Thủ Đô, Chợ Lớn lúc trước nằm trên đại lộ mang tên ông. Toàn Quyền Paul Doumer mỗi khi vào Nam thường ghé nhà ông. “*Người ông giống hệt nhà ông, bên ngoài trang trí theo lối Pháp, nhưng bên trong trang trí giữ phong tục bản xứ*” (Lời nhận xét của Paul Doumer). Đỗ Hữu Phương là người giàu có danh giá gồm đủ “*Phú, Quý, Thọ, Khang, Ninh*”:

Về PHÚ: ông giàu tột bậc, chỉ thua ông Huyện Sĩ, đất ruộng hàng mấy chục ngàn mẫu.

Về QUÝ: làm quan đến tột đỉnh, tứ trụ triều đình của chánh quyền Pháp ở Nam Kỳ, được ân thưởng Bắc Đẩu Bội Tinh đến 3 lần.

Về THỌ: ông mất ở tuổi 76

Về KHANG: ông có nhiều con cháu nổi nghiệp làm quan lớn. Con trưởng làm Trung Tá đầu tiên trong quân đội Pháp, con kế làm phi công đầu tiên của Việt Nam, và một người con gái gả cho Tổng Đốc Hoàng Trọng Phu. Sui gia với ông là Hoàng Cao Khải, dưới con mắt của Pháp là người danh giá nhất Bắc Kỳ. Gia đình ông Khải có ba người đều làm Tổng Đốc.

Về NINH: ông sống ung dung nhàn hạ, hưởng thụ mọi tiện nghi và thú vui vật chất, không phải lo lắng bất cứ việc gì.

Tổng đốc kiêm doanh nhân Đỗ Hữu Phương một thời lừng lẫy ở phương Nam, con cháu cũng là những tên tuổi nổi tiếng một thời nhưng Đỗ Hữu Từ Đường

chút nữa bị san phẳng vào năm 2009, vì thuộc diện “*nhà vắng chủ*” (đã sang Pháp định cư).

**Gia tộc Đỗ Hữu Phương đã có công xây dựng ngôi trường nữ học Áo Tím từ năm 1913 (nay là Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai–TP HCM) và nhiều đóng góp từ thiện, giúp dân nghèo khắp xứ Sài Gòn – Gia Định những năm đầu của thế kỷ trước.**

Ở Hà Nội đã từng có ngôi trường mang tên Đỗ Hữu Vị (con trai cụ Đỗ Hữu Phương) là Trường THPT Phan Đình Phùng ngày nay. Nhờ thế chẳng mà Đỗ Hữu Từ Đường đã được nhà nước trả lại cho con cháu Đỗ Hữu vẫn còn ở Hải Phòng và TP HCM.

Nhìn vào gia thế hai bên nội, ngoại của Cô Vương thị Lễ chúng ta thấy thật lừng lẫy. Xét về đời, dòng họ giàu sang, quyền thế khó ai bì kịp. Nhưng sau khi mất, vong hồn các vị ấy đi đâu, về đâu? Chúng ta chỉ biết song thân của Cô bị đọa nơi Phong đô (Diêm cung)!

*“Lo danh vọng hao mòn thân thể*

*Ham làm giàu của để bằng non.*

*Một mai nhắm mắt đâu còn,*

*Đem vàng chuộc mạng đời lòn được chẳng?...”*

■ (KINH SÁM HỐI)

Thế mới biết làm quan, làm giàu mà không mang tội thật không phải dễ. Làm quan thanh liêm, lo cho dân được an ổn mà không hà khắc, tham nhũng thì khi chết được dân chúng tôn thờ như một vị Thần. Còn làm giàu lương thiện rồi biết bố thí, từ thiện để chia xẻ nào có được bao nhiêu người biết Nhân Nghĩa... Ôi! Công và tội chỉ khác nhau có một chữ GIÁC NGỘ mà thôi.



Ngày 6-4-2016 (29 tháng 2 Bính Thân), tại Báo Ân Đường, gần Trí Huệ Cung, hàng mấy trăm người chít tang đồ dự lễ cầu siêu cho các vị trong họ Đỗ Hữu, họ Ngoại của Cô Vương Thị Lễ. Tuy vài ngày trước đó, việc tổ chức có gặp trở ngại tưởng không thành, nhưng cuối cùng buổi lễ cầu nguyện được viên mãn vì mỗi một tín đồ Cao Đài đều biết đến công ơn to lớn của Thất Nương. Chúng ta cầu xin Ông Trên chứng nhận lòng thành tâm đó để các vị trong gia tộc ĐỖ HỮU này được siêu thoát, và có cơ hội tái sanh gặp mới Đạo TAM KỶ PHỔ ĐỘ để lập công bồi đức.



*Thương Nhớ*  
**THẬT NƯƠNG**  
*Tùng Thiên - Từ Bạch Lạc*